

HỌC - VIỆN QUỐC - GIA HÀNH - CHÍNH

Luận Văn Tốt Nghiệp

SỰ THAM - GIA CỦA DÂN - CHÚNG ĐỊA - PHƯƠNG VÀO CÔNG - VIỆC GIÁO - DỤC

THƯ VIỆN QUỐC GIA
VIỆT-NAM
Số 0412

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 412

Sinh - viên NGUYỄN ĐẦU
Ban Đọc Sự Khóa XVII
1969 - 1972

GIAO . SƯ HƯỚNG . DẪN

Lê . văn . Thận

GIAO . SƯ , HỌC . VIỆN QUỐC . GIA HẠNH . CHÁNH

"Học-Viện Quốc-Gia hành-chánh
không tấn thành, cũng không
phản đối những ý-kiến phát biểu
trong luận-văn. Những ý-kiến đó
do tác-giả hoàn-toàn chịu trách
nhiệm.

Chân thành cảm tạ :

Giáo-sư LÊ-VĂN-THẬN

đã tận tình hướng-dẫn và giúp đỡ chúng tôi
hoàn thành Luận-văn này.

Thành thật ghi ơn :

- * Giáo-Sư Viện-Trưởng
- * Giáo-Sư Phó-Viện-Trưởng
- * Cùng Quý-Vị Giáo-Sư

Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh
đã tận-tình dạy-dỗ chúng tôi trong
suốt học-trình.

MỤC - LỤC

Tri-ân

Trang

Mục-lục

Dàn-bài

Dẫn-nhập

Phần I. Hình-thức và mức độ tham-gia của dân-chúng
vào công việc giáo-dục.

Chương 1. Hình-thức tham-gia của dân chúng 1

Chương 2. Mức-độ tham-gia của dân-chúng 15

Phần II. Nhận-xét và đề-nghị về hình-thức và mức
độ tham-gia của dân-chúng vào công việc giáo-dục

Chương 1. Nhận xét và đề-nghị về hình-thức tham-gia ... 25

Chương 2. Nhận-xét và đề-nghị về mức-độ tham-gia 38

* NHẬN-XÉT VỀ NHỮNG KHÓ-KHĂN CỦA DÂN-CHỨNG
TRONG VIỆC THAM-GIA VÀO NỀN GIÁO-DỤC

x
x x

KẾT-LUẬN

Tài-liệu tham-khảo.

DÀN - BÀI

Dẫn nhập.

Phần I. Hình thức và mức độ tham gia của dân chúng vào công việc Giáo-dục.

Chương 1. Hình thức tham gia của dân chúng.

Đoạn 1. Vai trò của dân chúng trong các hội đoàn giáo-dục

A. Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục

B. Hội-đồng Giáo-dục Địa-phương

C. Hội-đồng Điền-hợp và Phát-triển Giáo-dục

D. Hội Phụ-huynh Học-sinh

E. Hội-đồng Du-học

Đoạn 2. Vai trò của dân chúng trong các tổ-chức giáo-dục

A/ Đối với chính sách giáo-dục tráng niên.

B/ Lớp học đêm

C/ Chương-trình giáo-dục trên vô tuyến truyền thanh và truyền hình.

D/ Báo-chí và các sáng tác phẩm.

Chương 2. Mức độ tham gia của dân chúng.

Đoạn 1. Dân chúng tham gia với tánh cách cố vấn và cùng chính-phủ quyết định chính sách Giáo-dục.

Đoạn 2. Dân chúng tham gia với tính cách đồng quản-trị cơ-sở giáo-dục.

Đoạn 3. Những chiều hướng giáo-dục hợp tác điển hình : Nhật-bản, Đài-Loan.

Phần II. Nhận xét và đề nghị về hình thức và mức độ tham-gia của dân-chúng vào công việc giáo-dục.

Chương 1. Nhận xét và đề nghị về hình thức tham gia.

Đoạn 1. Ý-kiến dân chúng cần được chính-quyền tham-khảo và thực-thí.

A. Về chính-sách giáo-dục

B. Cần tham khảo ý-kiến của dân chúng trong việc xây cất trường ốc.

Đoạn 2. Dân chúng tham gia vào công việc giáo-dục qua hình thức đóng góp.

A/ Những khiếm khuyết về cơ sở và phương diện trang bị

B/ Sự đóng góp tự nguyện củatur nhân, đoàn thể và các tôn-giáo

C/ Sự tham gia của dân chúng qua các hệ-thống tổ-chức giáo-dục tại Việt-Nam.

Chương 2. Nhận xét và đề nghị về mức độ tham gia

Đoạn 1. Dân chúng tham gia với tánh cách tư vấn.

1/ Vai trò tư-vấn của Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục

2/ Vai trò tư vấn của Hội-đồng Giáo-dục Địa-phương, Hội-đồng
Điền-hợp và Phát-triển Giáo-dục.

3/ Vai trò của Hội-đồng Du-học và chính-sách Giáo-dục hiện nay

4/ Sự thờ-đạo của các Hội Phụ-huynh học-sinh

Đoạn 2. Dân chúng tham gia với tánh cách đồng quản-trị cơ-sở giáo-dục.

A. Bên Trung-học.

1) Vai trò của Hội Phụ-huynh học-sinh trong Trường Bán-Công.

2) Trường TỉnHạt và vai trò của Hội-đồng Quản-trị.

3) Việc thu học phí ở Trường công.

B. Đối với các cơ-sở giáo-dục Cộng-đồng

1/ Đối với bậc Tiểu-học

2/ Bậc Đại-học

a) Định-nghĩa và mục tiêu của Đại-học Cộng-đồng

b) Vai trò của đại-diện nhân-dân trong Hội-đồng Quản-trị
Viện Đại-học Cộng-đồng

C. Đề nghị một giải pháp cho các tư thực

Đoạn 3. Dân chúng cùng chính-quyền quyết-định chính-sách giáo-dục

A/ Ấn-định một chính-sách giáo-dục thích-hợp với địa-phương.

B/ Địa-phương hóa ngân-sách trong lãnh-vực giáo-dục

* Nhận-định về những khó-khăn của dân chúng trong việc
tham-gia vào nền giáo-dục.

- Tình-trạng chiến-tranh

- Về khả-năng đóng góp

- Thành-kiến của Phụ-huynh học-sinh.

- Quan-niệm của dân-chúng về người đại-diện.

KẾT-LUẬN.-

DẪN-NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Qua vòng tiến hóa của nhân loại, vai trò của giáo-dục ngày càng trở nên quan trọng trong việc thúc đẩy một dân-tộc, một cộng-đồng nhân-loại tiến bước. Nhận thấy giáo-dục đóng vai trò quyết định cho con đường tiến hóa của loài người và có thể nói rằng khi nhìn vào nền giáo-dục của một nước, chúng ta có thể đánh giá trình-độ tiến hóa của nước đó.

Việt-Nam là một quốc-gia đang trên đà phát-triển về mọi mặt. Sự phát-triển quốc gia đòi hỏi 1 khung cảnh chính-trị ổn-định, một xã-hội ít xáo-trộn, một nền giáo-dục thực tiến, từ đó sự phát-triển kinh-tế được thúc đẩy mạnh đưa quốc-gia ra khỏi tình-trạng kém mở mang.

Sự đình trệ việc phát-triển quốc-gia chúng ta hiện tại một phần do ảnh hưởng chiến-tranh dai dẳng hơn hai mươi năm nay làm chính-quyền đã dồn quá nhiều nỗ lực trong việc bảo-vệ biên cương và sự vẹn toàn lãnh-thổ, phần khác bắt nguồn từ một nền giáo-dục xa-rời thực-tế. Thêm vào đó tinh thần lệ thuộc đã ăn sâu vào cội rễ của dân Việt-Nam, cũng như tâm lý khoáng trắng công việc giáo dục cho chính-quyền, nên người dân không nghĩ là họ có thể tham gia hay đóng góp được gì cho nền giáo-dục.

Trong khi đó, về phía chính quyền với bao sự đổi thay của cấp lãnh đạo cùng với những sự cải-tổ nữa vơi, và nền giáo-dục Việt-Nam chưa được quan niệm một cách đúng mức như một quốc sách. Vì thế, phần dành cho giáo-dục hàng năm chưa đầy 60/o Ngân-sách Quốc-gia một tỷ-lệ quá nhỏ so với phần ngân-sách dành cho việc phát triển giáo-dục tại các quốc-gia tiên tiến là vào khoảng 30-40o/o.

Do đó, cần phải có sự cải-tiến giáo-dục. Nhưng vấn đề đặt ra là phải cải tiến vào giai đoạn nào và lúc nào ? Đây là mối bận tâm của những người có trọng trách đối với nền giáo-dục nước nhà. Một nền giáo-dục muốn được cải tiến, không thể do ý kiến của một cá-nhân hay của 1 nhóm người ở tại cơ cấu trung ương mà có thể làm được, mà phải có sự hợp tác chặt chẽ, tham gia tích cực của quần chúng.

Như vậy, nếu cải tiến giáo dục để thích ứng nhu cầu quốc-gia là mục tiêu trên phải thực hiện cho bằng được của chính-quyền, thì sự tham-gia vào công tác giáo-dục bằng mọi hình thức phải là một nghĩa-vụ của quần chúng.

Quần chúng có nhiều phương-thức để đóng góp vào công việc giáo-dục ^{chính sách và phương pháp giáo dục} /do chính quyền đề ra là một phương thức tốt đẹp để dân chúng có cơ hội tham gia vào công tác cao đẹp này.

_____ phần một

hình thức và mức độ
tham gia của dân chúng
vào công việc giáo dục

CHƯƠNG MỘT

HÌNH THỨC THAM GIA CỦA DÂN CHÚNG VÀO CÔNG VIỆC GIÁO DỤC

* Đoạn 1. - Vai trò của dân chúng trong các Hội-Đoàn Giáo-dục.

A. - Hội-Đoàn văn-hóa giáo dục được quy định trong điều 93 và 94 Hiến-Pháp 1967, để thay thế Hội-Đoàn Quốc-Gia Giáo-Dục thiết lập bởi Nghị-Định số 1302-a/GD ngày 2.7.64, giữ nhiệm vụ tư vấn cho Tổng-Trưởng Giáo-Dục về các vấn đề trong địa hạt giáo-dục. Luật số 05/69 ngày 2.5.69 ấn định tổ chức và điều hành Hội-Đoàn văn-hóa giáo-dục như sau :

1/- Hội-Đoàn Văn-hóa Giáo-dục do Phó Tổng Thống làm Chủ-tịch, có 60 Hội-viên : 45 Hội-viên thực thụ và 15 Hội-viên dự khuyết. Trong đó 1/3 Hội-viên do Tổng Thống chỉ-định, còn 2/3 do các tổ chức văn hóa giáo dục công tư, các hiệp hội Phụ-huynh Học-sinh đề cử. Nhiệm kỳ của Hội-đồng là 4 năm.

2/- Nhiệm vụ :

- Hoạch định chính sách giáo-dục.

- Cố vấn chính phủ soạn thảo và thực thi chính sách văn-hóa giáo-dục.

Mỗi lục cá nguyệt, Hội-đồng họp một khóa thường lệ và có thể triệu tập những khóa họp bất thường để duyệt xét chính sách giáo dục.

B. - Hội-Đoàn Giáo-dục địa-phương.

Trong tổ chức giáo dục phân quyền, bên cạnh Học-khu có Hội-

đồng Giáo-dục địa phương. Hội-đồng này là cơ-quan dân cử gồm đại diện Phụ-huynh Học-sinh, Thân Hào Nhân-Sĩ và giáo-chức có nhiều kinh-nghiệm. Hội Đồng có trách vụ cố vấn và thiết lập kế hoạch, đề-nghị giá biểu học phí và các đảm phụ giáo dục trong Học-khu.

Ngoài ra, còn có nhiệm vụ kêu gọi dân chúng địa phương tích cực tham gia vào công-tác giáo-dục.

C.- Hội-Đồng Điều Hợp và Phát-triển Giáo-dục.-

Để việc điều hành và phát-triển giáo-dục tại địa phương thêm hữu hiệu, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã ban hành Nghị-Định số 2139-GD/KHPC/PC/NĐ ngày 16.11.1971 ấn-dịnh việc thành lập các Hội-đồng Điều-hợp và Phát-triển giáo-dục tại mỗi Đô, Tỉnh và Thị.

1/- Thành phần :

Trong tương lai Hội-Đồng sẽ do dân cử, tạm thời thành phần được tổ chức như sau :

- Đại-diện chính-quyền trong Tỉnh.
- Đại-diện Hội-đồng Tỉnh.
- Thân hào, Nhân sĩ.

Chủ-tịch và Tổng Thư-ký Hội-Đồng là dân sự. Tỉnh-Trưởng là cố vấn tối cao. Trong những năm đầu vì tình hình chính trị chưa được ổn-định chính quyền địa-phương có thể chỉ định một Hội-Đồng.

2/- Nhiệm vụ :

Hội-đồng Điều-Hợp và Phát-triển giáo dục có nhiệm vụ sau :

- Ấn định chính sách giáo dục trong Đô, Tỉnh, Thị.
- Quản-trị ngân-sách phát-triển giáo-dục.
- Cố vấn cho Học-Khu về việc quản trị giáo chức và nhân viên các trường trong Đô, Tỉnh, Thị.
- Cố động và khuyến-khích sự tham-gia của dân-chúng vào việc phát-triển các cơ-sở và tiện nghi giáo-dục địa-phương.

D.- Hội Phụ-Huynh Học-Sinh.-

Vai trò của Hội Phụ-Huynh Học-Sinh được đề cập trong chủ-trương địa phương hóa giáo dục, vì trên căn bản việc quản trị và phát triển giáo dục sẽ do dân chúng đảm-nhiệm. Theo bài thuyết-trình của Ông Vũ-Đức-Chang Phó Giám-Đốc Trung, Tiểu-Học và Bình-dân Giáo-dục thì sự thành hình lập Hội Phụ-huynh Học-sinh trên toàn quốc nhằm:

- Hướng dẫn chính-quyền bằng cách giúp ý kiến soạn thảo điều-lệ, nội-quy, thể lệ tài chánh, chương trình hoạt-động mẫu và giải quyết các vấn-đề xã-hội trong địa-phương.
- Tài trợ cho chính quyền bằng cách cho đất để lập cơ sở, cung cấp vật liệu, trang bị học cụ...
- Chăm sóc chu-đáo sức khoẻ và sự học hành của con em.
- Củng cố đạo đức và phát-huy đức-tính.
- Tạo đồng đều giữa chính quyền và dân chúng, khuyến khích, nâng đỡ giáo chức.

Hội Phụ-huynh Học-sinh có từ 5-21 nhân viên giáo chức và Phụ-huynh Học-sinh. Tất cả Phụ-huynh Học-sinh đương nhiên là hội viên của Hội. Vấn đề tài chánh sẽ được đại-hội phụ-huynh học-sinh

biểu quyết và sẽ được sử dụng hoàn toàn cho địa-phương, nhưng có thể trợ giúp cho các địa phương khác nếu đại hội chấp thuận. Ngân khoản có thể gia tăng theo nhu cầu và phải được kết toán minh bạch, hợp lệ, chống lãng phí.

Hội Phụ-huynh Học-sinh có thể đặt ra các chương trình dài hạn, ngắn hạn để thực hiện trong phạm vi thẩm quyền. Nhiều hội Phụ-huynh học-sinh có thể kết hợp thành tổng hội Phụ-huynh học-sinh để thống nhất kế-hoạch, gia tăng nỗ lực, tập trung khả năng và tiếp tay với chính quyền trong việc giáo dục con em.

Để thực hiện đường lối giáo dục mà Tổng-Thống đề ra hồi tháng 10/1969, Bộ Nội Vụ trong Công-Điện số 4015-B/BNV/VPTT ngày 24.11.69 đã yêu cầu các vị Đô, Tỉnh và Thị Trường cố gắng giúp đỡ thành lập những Hội, Chi Hội phụ-huynh học-sinh để cho dân chúng, giáo chức và chính quyền địa phương có cơ hội hợp tác chặt chẽ và tích cực đóng góp vào việc thực thi chính sách giáo-dục quốc-gia tại địa phương họ. Trong chiều hướng đó Bộ Giáo-Dục đã phát động phong trào "các Hội phụ-huynh học-sinh tự động cất thêm trường, mở thêm lớp" kết quả tiến triển tốt đẹp.

E.- Hội-Đông Du-Học.

1/- Tiến trình của cơ-quan quản-trị du học. - Trên nguyên tắc, Tổng Nha Kế-Hoạch lãnh nhiệm vụ thường thuyết và tiếp nhận những học-bổng Bộ Giáo-Dục lãnh phần phân phối học-bổng cho sinh-viên qua hoạt-động của Hội-đồng Du-học. Hội-đồng Du-học là một cơ-quan liên bộ gồm có đại diện của các cơ quan chính quyền có liên hệ tới vấn đề du-học. Cho tới tháng 10/1965, Hội-đồng Du-học đặt trụ sở tại

Hội-Trưởng Diên-Hồng. Nơi này trước khi thành trụ-sở Thượng Nghị-Viện đã là trụ sở của Tổng Nha Kế-hoạch, thời Đế Nhất Cộng-Hòa vấn đề du học được giao hoàn toàn cho Tổng Nha Kế-Hoạch đảm nhiệm.

Chủ-tịch Hội-Đồng Du-Học là Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống. Nhưng trên thực tế thì thường thường Tổng Giám-Đốc Kế-Hoạch hay Phó Tổng Giám-Đốc Kế-hoạch đại-diện Bộ-Trưởng Phủ Tổng Thống để chủ-tọa Hội-đồng.

Hội-Đồng Tổng-Nha Kế-Hoạch triệu tập có định kỳ để cử xét hồ sơ xin xuất ngoại du học. Các hồ sơ giấy tờ, các công tác quản trị du học đều được trao cho Nha Viện Trợ Kỹ-thuật, Phối hợp và kiểm soát tại Tổng Nha Kế-Hoạch đảm nhiệm. Sở Du-Học của Nha Viện Trợ Kỹ-thuật nhận đơn xin du học, thông báo học bổng giao-dịch với du học sinh và với phụ-huynh. Mỗi khi Hội-đồng Du-học nhóm họp thì Chánh Sự Vụ Sở Du-Học đưa trình Hội-Đồng các hồ sơ và thuyết trình trước Hội-Đồng, và sau đó đề nghị nên chấp thuận hay bác bỏ đơn xin du học.

Ngoài Tổng Nha Kế-Hoạch, thành phần tham dự Hội-Đồng Du-Học còn mở rộng cho đại diện các Bộ liên hệ tới vấn đề giáo dục và phát triển quốc gia nữa. Về phía ngoại quốc, đại diện các tòa Đại-sứ của các quốc gia cấp-viện cũng được tham dự Hội-đồng Du-học để họ có thể theo dõi cách thức Việt-Nam sử dụng những nguồn viện trợ mà họ cung-cấp.

Giao trách nhiệm du học cho cơ quan kế hoạch thay vì cho một cơ quan giáo-dục là một điều đã được bàn cãi rất nhiều. Nhưng quan niệm về du học dưới thời Đế Nhất Cộng-Hòa không giống như quan niệm hiện thời. Theo các nhà hữu trách thì bây giờ thì vấn đề du học

là một hình thức của phát triển. Du học phải được coi là một biện pháp yểm trợ công cuộc phát triển quốc-gia. Tổng-nha Kế-hoạch, một cơ quan phụ-trách việc phát-triển quốc-gia, soạn thảo các kế hoạch ngũ niên phải thấu hiểu nhu cầu về nhân lực trong nước hơn cơ quan nào hết. Vì vậy khi tuyển chọn du học sinh, Tổng Nha Kế-Hoạch có thể tuyển chọn đúng với chiều hướng phát triển trong nước.

Hệ thống quản trị du học này, đã hoạt động từ năm 1957 cho tới năm 1965 thì chính-phủ cách-mạng quyết-định chuyển vấn đề du học từ Tổng Nha Kế-Hoạch sang Bộ Giáo-Dục.

Với sự cải tổ này, vị Tổng-Trưởng Giáo-Dục hay Đại-Diện chủ-tọa Hội-đồng Du-học. Thành phần tham dự gồm có : Tổng-nha Kế-Hoạch, Bộ Văn-Hóa, Hội-đồng Văn-hóa giáo-dục và Giám-Đốc Nha Du-Học.

Năm 1968, Hội-đồng lại mở rộng để có sự tham dự của Bộ Ngoại-Giao và Bộ Quốc Phòng. Vào cuối 1968 và đầu 1969 người ta còn thấy Hội-Đồng có sự tham dự của các giáo-sư Đại-Học và Trung-Học, các Chủ-tịch Ủy-Ban Văn-hóa Giáo-dục Thượng và Hạ-Viện, các Hội-Viên Hội-Đồng Đô-Thành.

Đặc biệt năm 1970, Chính-phủ đã tách rời hai vấn đề du học sinh và tu nghiệp công chức. Từ nay Hội-Đồng Du-Học tại Bộ Giáo Dục không còn phụ trách việc cứu xét hồ sơ xin tu nghiệp của công chức nữa. Vấn đề này được trao cho Hội-Đồng tu nghiệp công chức đặt trụ sở tại Tổng Nha Công Vụ và dưới quyền chủ tọa của một vị Phụ-tá Thủ-Tướng đặc trách hành-chánh.

2/- Thành phần và quyền hạn của Hội-đồng Du-học.

Theo Nghị-Định số 184/NĐ/GD thì thành phần của Hội-đồng Du-học được ấn-định như sau :

- Tổng Trưởng Giáo-Dục (hay đại diện) Chủ-tịch
- Đại-Diện Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục Hội-viên
- Đại-Diện Văn-phòng Quốc Vụ Khanh
 - Đặc-trách Văn-hóa "
- " Bộ Ngoại Giao "
- " Bộ Nội Vụ "
- " Tổng Nha CSQG "
- " Tổng Nha Kế-Hoạch "
- " Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh-Báo "
- " Giám-Đốc Nha Học Bổng và Du-Học Thuyết-trình viên kiêm Hội-viên
- " Chủ-sự Phòng Hành-Chánh Nha Học Bổng và Du-Học Thư ký.

Hội-Đồng Du-Học có nhiệm vụ lựa chọn những thành phần học-sinh, sinh-viên ưu-tú, có đầy đủ điều kiện để được xuất ngoại. Ngoài ra Hội-Đồng còn đóng góp ý kiến cho chính phủ trong việc theo dõi sự học hành của du-học-sinh cũng như những vấn đề liên quan đến tài-chánh, vấn đề sử-dụng khi sinh-viên thành tài trở về nước.

Tuy Hội-đồng quản-trị được tổ chức khá chu đáo, nhưng mỗi năm cứ đến mùa du học là người ta thấy nha Du-Học tràn ngập ứng-viên. Ông Giám-Đốc Du-Học tiếp khách liên miên và hồ sơ chồng chất giải quyết

không kịp. Hội-Đồng Du-Học cũng khôngegot hợ ngày này sang ngày khác, số hồ sơ ứ đọng và gặp không biết bao nhiêu khó khăn trong việc ấn định tiêu chuẩn thích hợp.

Số ứng viên du học ngày một gia tăng, một chính sách du học vững chắc hiện thời chưa có (tiêu chuẩn thay đổi từng năm và tùy quan niệm của vị Tổng-Trưởng) nên đã tạo bao nhiêu khó khăn về phía chính-quyền và đến nay dân chúng vẫn đặt nhiều thắc mắc trong vấn đề du-học này.

* Đoạn 2. - Vai trò của dân chúng trong các tổ chức giáo-dục.

A. - Đối với chính sách giáo-dục tráng niên. -

1/- Tiến trình của giáo-dục tráng niên. Giáo-dục tráng niên hay giáo-dục bình-dân là một ngành giáo-dục mới mẻ đối với nước ta. Ngành giáo dục này mạnh nhất dưới thời Pháp thuộc, ngay từ năm 1940, với những đoàn thể do tư nhân sáng lập mệnh danh là những hội truyền bá quốc ngữ phụ-trách dạy học và viết chữ quốc-ngữ tại các lớp Bình-Dân Giáo-Dục mở cho người lớn và trẻ em. Công việc giáo dục này lúc đó chỉ phát triển một cách chậm chạp vì không được chính quyền đương thời cổ vũ và nâng đỡ.

Sau khi thời Pháp thuộc chấm dứt, công cuộc chống nạn mù chữ được bộc phát một cách mạnh mẽ, phần lớn cũng là nhờ sự lưu tâm của chính quyền. Để hệ thống hóa chương trình thanh toán nạn mù chữ, năm 1949 chính phủ quốc gia đã cho :

- Mở những lớp chống nạn mù chữ dành cho tráng niên.
- Mở những lớp Tiểu-Học cấp tốc dành cho những địa điểm không có trường Tiểu-Học.

Kết quả không khả quan lắm vì chiến tranh ngày một gia tăng khiến cho số người thất học càng những không giảm sút được bao nhiêu, mà số trẻ em đến tuổi đi học không có nơi học hành càng nhiều. Nạn thất học đã trở thành mối lo âu của chính quyền, nhưng chỉ được chính quyền tìm cách giải quyết thực sự sau khi cuộc đình chiến 1954 đem lại hòa bình tạm thời cho miền Nam tự do. Năm 1956, chính quyền Việt-Nam Cộng-Hòa cho phát động chiến dịch thanh toán nạn mù chữ trên khắp lãnh thổ. Để cho chiến dịch tiến hành một cách hữu hiệu, tại mỗi địa-phương lúc đó được thiết lập một ủy ban thanh toán nạn mù chữ do nhà chức-trách hành-chánh địa phương điều-khiển.

Thành quả của chiến dịch đạt được tỷ số cao nhất vào năm 1957 với 17.794 lớp học, 27.007 giảng viên và 1.033.751 Học-viên trong đó có 50% nạn nhân.

Nhưng từ cuối 1960 trở đi, chiến tranh lại tái phát và ngày càng khốc liệt, vì vậy công cuộc giáo dục Bình-Dân dưới hình thức thanh toán nạn mù chữ đã không tiến hành được như ý muốn của mọi người.

Trong năm 1963, với những biến chuyển của chính trị đã làm nền giáo dục trắng niên thêm trĩu trĩu. Một Đại-Hội Giáo-Dục toàn quốc được tổ chức vào tháng 10/1964 đã thảo luận và đưa ra một số đề nghị về ngành giáo dục này. Trong đó có nhiều đề nghị đáng được lưu ý như việc nâng nền giáo dục trắng niên lên hàng quốc sách để thanh toán nạn mù chữ, và thường xuyên bố túc nền học vấn cho những người không may mắn tốt nghiệp tại học đường.

Tiếp theo Đại-Hội giáo-dục 1964, Hội-Đồng Quốc-Gia Giáo-Dục do Đại-Hội này bầu ra cũng đã đưa ra đề nghị về việc cải tổ lãnh vực

giáo dục tráng niên. Hiện nay, trên toàn quốc có tất cả 600 lớp thanh toán nạn mù chữ, tỷ số dân chúng mù chữ là 20% và đến năm 1975 hy vọng tỷ số trên chỉ còn 15% (1).

2/- Những hoạt động của các đoàn-thể tư-nhân.-

Các đoàn thể tư nhân đã tự động đóng góp phần nào vào công tác giáo dục tráng niên. Những Hội Giáo-dục Bình-dân, Trung-Tâm Bách-Việt, Hội-Liên-Trường, nhất là Hội Văn Hóa Bình-Dân đã thực sự và tích cực hoạt động suốt 15 năm nay. Tổ chức này đã mở được khá nhiều lớp chống nạn mù chữ, mấy năm gần đây Hội đã bớt nhiều về mặt hoạt động này mà dồn nỗ lực vào các lớp dạy nghề.

Các lớp bổ túc và huấn-nghệ đoàn kỳ tính đến nay đã đào tạo được 40.000 học-viên kể cả các lớp do tư nhân đảm-trách.

Cách Trung-Tâm Bách Khoa Bình Dân ngày càng bành trướng, thu hút một số lớn công, tư chức và thành phần lao động học hỏi thêm. Bộ Giáo-Dục, Lao-Động và Xã-Hội đang hoạt động mạnh mẽ trong lãnh vực này.

Ngoài ra, chúng ta cũng đề cập đến vấn đề giáo dục phụ nữ trong lãnh vực giáo dục đại chúng. Trong chương trình Bình-định của Chính-phủ, nhiều Trợ-Tá Xã-Hội được phân phối về nông thôn để hướng dẫn phụ nữ trong các công-tác gia-dình và xã-hội. Các Trường Bách-Khoa Trung-Cấp đã và đang thực hiện chương trình giáo-dục phụ nữ như thêu, đan, trang-trí, giao tế và tiểu công nghệ v.v...

(1) Dự-án phát-triển giáo-dục 4 năm (1972-1975) do Bộ Giáo-Dục
ấn hành.

Vấn đề giáo dục phụ nữ trong kế hoạch hóa gia đình cần được thực hiện làm thế nào cho người phụ nữ, nhất là giới lao động và nông thôn ý thức trách nhiệm gia đình và giáo dục con cái để tiếp tay với chính quyền giải quyết phần nào gánh nặng cho xã-hội.

B.- Những lớp học đêm.

Khi thành lập những lớp học đêm nhà cầm quyền có dụng ý giảm thiểu tình trạng thái quá của một số tư thực như thu nhận học sinh trong một lớp quá đông, hay học phí quá cao. Sự kiện này phùng hại đến nền giáo dục ngày càng trầm trọng. Theo tinh thần Nghị-Định số 1519-GD/TN/PC/ND ngày 12.7.69. "Các lớp đêm phải theo các thể lệ về học vụ hay chương trình của các trường công lập", có nghĩa là hình thức công lập ngày kéo dài. Bộ đã cho thiết lập 6 Trung-Tâm Trung-học đêm mệnh danh "Lớp đêm Trung-Học" tại Saigon - Gia-Định.

Trường đã được phép thu học phí và cũng giảm học phí cho con em quân nhân, công chức. Đặc biệt học phí thu theo tam cá nguyệt. Trong niên khóa 1971-1972 số học phí đã thu được trên 15 triệu đồng và Bộ Giáo-Dục đã trợ cấp gồm 10 triệu.

Tại địa phương, sự mở các "lớp đêm Trung-Học" đã không được Bộ Giáo-Dục chấp thuận, Bộ nại có là tại Saigon dân số quá đông, trong biện pháp giải quyết cấp thời nên Bộ đã tổ chức hình thức "Trung-học đêm kéo dài", tình trạng này đã khiến một số trường đang hoạt động đành phải dở dang trong việc hợp thức hóa.

Riêng tại Đô-Thành, ngoài những lớp đêm do Bộ Giáo-dục quản-trị, năm 1971 có 38 lớp dạy cho 1980 học sinh. Đến năm 1972, Đô-Thành

dự định mở thêm 20 lớp để thu nhận học-sinh từ 19% lên 26%, nhưng ngân sách chỉ cho phép thực hiện 10 lớp, thỏa mãn được 600 học-viên (2).

Nhận thấy thay vì chính quyền ngăn cản địa phương thành lập các lớp đêm, chính quyền nên khuyến khích họ đẩy mạnh công tác này, vì một phần giúp đỡ những người hiếu học không đi học ban ngày được, có thể đến trường trao đổi kiến thức vào ban đêm với một học phí tương đối nhẹ - vì cơ sở là trường công lập - phần khác có thể nâng đỡ một số giáo chức có thiện chí thêm phần lợi tức trong buổi "gạo châu củi quế" mà chính phủ đang tìm cách nâng đỡ đời sống của giới công chức này.

C.- Những chương trình giáo-dục trên vô tuyến truyền thanh và truyền hình.-

Chương trình giáo dục trên vô tuyến truyền thanh và truyền hình với mục đích là để mọi người tìm thấy hứng thú trong việc theo học vừa có tính cách giáo dục lại vừa có tính cách giải trí.

Chương trình thường gồm những mục về :

- Văn-hóa tổng-quát.
- Đức-dục.
- Công-dân giáo-dục.
- Huấn-nghe.

Trên vô tuyến truyền thanh hiện nay có chương trình "phát

(2) Tài liệu giáo-dục của Tòa Đô-chánh Saigon.

thanh Học-đường" do Trung-tâm Học-liệu tổ chức, chú trọng về Đức-dục, Công-dân Giáo-dục của bậc tiểu-học nhiều hơn phần kiến-thức tổng quát.

Trên đài truyền hình ngoài những chương trình "Đổ vui để học" còn có những chương trình giới thiệu sinh hoạt của các trường Trung, Tiểu-học tại Đô-Thành và các Tỉnh, chương-trình thường đặt nặng phần văn-ngệ nhiều hơn giáo-dục.

Nhận thấy hiện nay hầu hết các gia đình Việt-Nam đều có Radio máy truyền hình tương đối hiếm hơn.

Chương trình giáo dục trên vô tuyến truyền thanh nên hoạt thường xuyên vào mỗi buổi sáng khoảng nửa giờ, dành cho trẻ em dưới 11 tuổi, và nếu có thể Bộ nên nghiên cứu một chương trình giáo dục dành cho lớp tuổi từ 3 đến 5, giống như chương trình "Sesame-Street" trên đài truyền hình tại Hoa-Kỳ. Về ban đêm, các đài truyền hình mỗi tuần nên thực hiện 2 hay 3 chương-trình huân-ngệ, giáo-dục y-tế hay xa-hội.

Số giờ phát hình hàng tuần về giáo dục trên các đài tại Việt-Nam trong năm 1971 (3).

- Saigon : 5g10
- Cần-Thơ : 3g42
- Huế : 3g30
- Qui-Nhon : 3g30

Với số giờ nêu trên chương-trình giáo-dục chỉ chiếm một tỷ-lệ rất nhỏ so với những phần khác. Chính quyền có thể giảm bớt phần

(3) Niên Giám thống kê 1971 - Viện thống kê quốc-gia.

văn nghệ thuần túy để gia tăng mục giáo dục để khuyến khích tinh thần học hỏi và nâng cao kiến thức dân chúng hơn lên.

D.- Báo chí và các sáng tác phẩm.-

Báo chí và các sáng tác phẩm là những phương tiện truyền đạt tư-tưởng dễ dàng đến tay dân chúng nhất. Tình trạng dân-trí của một nước tùy thuộc rất nhiều vào loại phương tiện này. Vì vậy, chính quyền cần kêu gọi sự hợp tác chân thành của các chủ báo, các nhà xuất bản, các ký giả với nhà văn để cho các nhà làm văn hóa này giúp đỡ một tay trong công cuộc giáo dục dân chúng.

Làm thế nào để tránh không sáng tác hay xuất bản những tác phẩm, những bài báo xét ra trái ngược rõ rệt với mục tiêu là nâng cao trình độ hiểu biết của mọi tầng lớp nhân dân. Chính quyền cần phải có một cuộc tổng kiểm tra nhằm mục đích là loại bỏ, cấm chấp việc bày bán, lưu hành, tàng trữ các ấn phẩm có tác dụng làm đồi trụy xã hội. Công việc tổng kiểm tra là một công việc tế nhị, vô cùng khó khăn vì đòi hỏi ở người phụ trách trong việc này một tinh thần bất vụ lợi, khách quan, vô tư và sáng suốt. Công việc đó còn đòi hỏi cả một sự phối hợp hoạt động rất mật thiết giữa chính quyền và các cơ quan đại diện các nhà văn, nhà báo, nhà xuất bản.

..

CHƯƠNG HAI

MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA DÂN CHÚNG VÀO CÔNG VIỆC GIÁO DỤC

Sự hợp tác trong công việc giáo dục đã được thực hiện từ lâu gần như một sự kiện gắn liền trong công cuộc phát triển giáo dục. Khi người ta nói đến sự cần thiết của những thành phần liên hệ đến giáo dục tức là người ta nghĩ đến ý-thức được sự hợp tác hỗ tương giữa các cơ-quan tư-vấn, các Hội-Đông Quản-trị về giáo dục đã đóng vai trò tư vấn và cùng chính phủ thi hành chính sách giáo dục quốc-gia.

* Đoạn 1. - Dân chúng tham gia với tư-cách cố-vấn và cùng chính phủ quyết-định chính sách giáo dục quốc-gia.

1/- Sự hiện diện của Hội-Đông Văn-Hóa Giáo-Dục là một bước tiến đáng mừng trong công cuộc nghiên cứu, cố vấn nhà cầm quyền trong kế hoạch phát triển giáo dục quốc gia.

Kỳ Đại-Hội Giáo-Dục 1964, với sự hình thành của Hội-Đông Quốc-Gia Giáo-Dục và kế đó là Hội-Đông Văn-Hóa Giáo-Dục, cơ quan này đã thực hiện những phần vụ sau :

a) Tư vấn : vạch một hướng đi và cùng chính phủ soạn thảo chính sách giáo dục dựa trên căn bản "dân tộc, khoa học và nhân bản". Nghĩa là một nền giáo dục phải phù hợp với dân tộc ta, một nước chậm tiến, lấy nông nghiệp làm chính yếu, một nước đang bắt đầu hấp thụ nền văn-hóa Tây-phương. Phải làm cho người hấp thụ biết đem ánh sáng

khoa học soi chiếu đời sống nhân dân, biết lấy những kết quả khoa học phụng sự cho hạnh-phúc dân-tộc. Và phải nhằm đào tạo con người để trở thành những con người.

b) Khuyến cáo : Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục đã khuyến cáo Bộ Giáo-Dục nên áp-dụng giải-pháp thu học phí ở trường công, vấn đề đã được Đại-Hội Giáo-Dục 1964 đưa ra thảo-luận và được chấp-thuận với 21/21 trên 39 phiếu. Nhưng Bộ Giáo Dục vẫn chưa dứt khoát trong việc thi hành vì gặp phải sự chống đối của dân chúng. Và trong phiên họp ngày 7.9.70 Hội-Đồng đã đồng lên hồi chuông báo động về thực trạng của nền giáo-dục Việt-Nam, và những chương-trình, kế hoạch, chính sách nhất thời và-viu đã tạo ra tình trạng bế tắc trầm trọng trong ngành giáo-dục.

c) Cung quyết định : Trong phiên họp ngày 7.9.1972 giữa Hội-đồng văn-hóa giáo-dục và viên chức Bộ Giáo-dục, Ủy-ban Phát-triển Giáo-dục và Đại-diện Hội-Đồng đã đồng ý việc cải tổ chương trình Trung-Học, biện pháp áp dụng sau khi bãi bỏ kỳ thi Tú Tài I tại các Trường Trung, Tiểu-Học, và Bộ cũng đang nghiên cứu và sẽ ban hành một quy-chế tư-thục ngõ hầu bảo-đảm được học-lực của học-sinh trong ngành này (4).

2/- Hội-Đồng Du-Học : Hội-đồng này cố vấn cho Bộ Giáo-dục trong việc ấn-định tiêu-chuẩn cho du học-sinh, khuyến cáo chính quyền trong việc theo dõi, kiểm soát sự học hành của sinh-viên ở hải ngoại và cùng chính quyền giải quyết vấn đề sử dụng sinh-viên khi thành tài về nước.

(4) Chính-Luận số 2567 ngày 19.9.72.

THƯ VIỆN QUỐC-GIA

3/- Hội-Đồng cố vấn của các Viện Đại-Học gồm các thân hào, nhân sĩ, học giả lỗi lạc của vùng, cũng có thể gồm các vị Dân Biểu, các cụ Giáo-sư của trường đã và chưa.

Mục đích của Hội-Đồng là phê phán các chương-trình và kế-hoạch của Viện.

* Đoạn 2. - Dân chúng tham gia với tính cách đồng quản trị cơ sở giáo-dục.

1/- Ủy Ban Điều-Hợp và phát-triển giáo-dục. - Được thiết lập bên cạnh Ty Giáo-Dục để điều động nhân viên Hành-chánh cũng như giáo-chức trong Đô, Tỉnh, Thị, điều hợp các công-tác xây cất trường sở và quản-trị ngân sách phát-triển giáo-dục.

Hiện nay Bộ Giáo-Dục đang nghiên cứu cho các cơ-quan trực thuộc cấp giấy phép cho mở tư thực. Việc cứu xét ủy quyền này nằm trong khuôn khổ thực thi chương trình cải cách thủ tục Hành-chánh. Theo đó các Ty Tiểu-Học có thể sẽ được xét cấp giấy phép cho mở tư thực phổ-thông bậc sơ cấp. Khu Học-Chánh xét cấp giấy phép mở tư thực phổ thông bậc Trung-Học. (5)

2/- Hội-Đồng quản-trị. - Tại các trường công lập và bán công, ngoài Hội-Đồng Học-Vụ còn có Hội-Đồng quản-trị do phụ-huynh học-sinh cử đại diện hợp tác với nhà trường để hoạch định chương-trình giáo dục, cộng tác với nhà trường đồng thời thi hành và kiểm soát về phương diện Tài-chánh và phát triển cơ-sở giáo-dục. Ngoài ra, còn cộng-tác với phụ-huynh học-sinh trong việc chăm sóc sức-khoẻ và việc học hành cho con em.

(5) Chính-Luận số 2564 ngày 08.09.1972

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 412

3/- Hội Đồng bảo trợ. - Đối với các Đại-Học Công-Đồng, một Hội-Đồng bảo trợ gồm tất cả những cá-nhân hay cơ-sở của địa-phương có khả năng giúp đỡ vật-chất cho Viện như phương tiện sinh hoạt, phương tiện giải trí, phương tiện học tập và tham khảo, nhất là thu nhận sinh-viên tốt nghiệp hay tập-sự. Hội-Đồng này lo học-bổng, lo giải thưởng sáng tạo và lo ngân quỹ đặc biệt cho Viện.

* Đoạn 3. - Những chiều hướng giáo dục hợp-tác điển hình :
Nhật-Bản, Đài-Loan.

Tại Nhật Bản. -

Nhật Bản là một quốc-gia mà vào giữa thế kỷ 19 không có gì hơn Việt-Nam chúng ta, nhưng từ đó đến nay luôn luôn trên đà tiến bộ vượt bực. Bí quyết chính yếu là 2 cuộc canh-tân giáo-dục đúng lúc và đúng với nhu cầu quốc-gia, xã hội thuộc hai giai đoạn lịch sử, một vào giai đoạn Minh-Trị và một vào giai đoạn hậu chiến. Ngày nay, nhờ cuộc canh tân giáo-dục của 25 năm hậu chiến, Nhật đã tiến tới một xã-hội dân chủ và kỹ-thuật tiến bộ vào bậc-nhất.

Nền Giáo-dục Nhật-Bản được tổ chức theo hình thức phân quyền rõ rệt giữa Trung-ương và địa-phương. Địa phương được hưởng sự tự trị rộng rãi. Dân chúng được khuyến khích để tham gia vào công việc tổ chức và quản trị lấy những công việc liên quan đến đời sống cá-nhân, gia-đình và địa-phương mình trong đó phần vụ giáo dục được chiếu cố đặc biệt nhất.

A. - Tại Trung Ương. -

Đứng đầu là Bộ Giáo-Dục gồm một Bộ Trưởng và hai Thứ-Trưởng, một vị có tính cách thường xuyên và chuyên môn, vị khác là Nghị-sĩ

Quốc-Hội. Bộ Giáo Dục có nhiệm vụ trình lên Quốc-Hội và Chính-phủ những dự án luật cùng dự trù ngân sách, làm phát triển và phổ-biến giáo-dục và văn-hóa khoa-học trong toàn quốc. Các cơ-quan văn-hóa khoa học, nghệ-thuật đều do Bộ Giáo-Dục kiểm soát và đài thọ với sự hợp tác của tư-nhân. Các học bổng ở cấp quốc gia do Bộ thiết lập, kiểm soát, đài thọ gồm các Đại-Học, Cao-Đẳng và Đệ II cấp.

Đối với Đại-Học Bộ Giáo-Dục còn có quyền :

- Thiết lập và kiểm soát trực tiếp các trường Đại-Học, Cao-Đẳng của Tỉnh, Thị Xã, Xã và các tư-thục.

Đối với địa phương, Bộ Giáo-Dục có quyền cho phép thiết lập, hướng dẫn cùng khuyến cáo các trường Đại-Học, Cao-Đẳng công lập địa-phương, các đại-học tư-thục toàn-quốc. Ngoài ra, Bộ giáo-dục chỉ ấn-dịnh đường lối đại cương, khuyến cáo, hướng dẫn và trợ cấp ngân khoản hàng năm cho các ủy ban giáo dục Tỉnh, Thị-xã, Xã...

B.- Tại Địa-phương.

1/- Tại các Tỉnh.- Tỉnh-Trưởng do công cử nên có quyền hạn thật rộng rãi trong ngành giáo dục như :

- Cho phép thiết lập cùng khuyến cáo các trường Trung, Tiểu-học trong toàn Tỉnh.
- Kiểm soát và đài thọ các trường Đại-Học, Cao-Đẳng ...
- Báo cáo thường xuyên lên Bộ Giáo-Dục tình trạng các loại trường trong Tỉnh.

Bên cạnh Tỉnh-Trưởng còn có Ủy-Ban Giáo-Dục Tỉnh gồm bảy Hội-viên, có quyền :

- Trực tiếp kiểm soát, đại thọ các cơ-sở giáo-dục trong Tỉnh.
- Thiết lập và quản trị các trường công lập II cấp và trường đặc-biệt công lập trong toàn tỉnh.
- Trả lương cho các giáo-sư và giáo-viên các trường Tiểu-học, Trung-học thuộc Tỉnh.
- Nhận các báo-cáo của Ủy-Ban Giáo-Dục Thị-Xã và Xã, cùng khuyến cáo và hướng-dẫn các ủy-ban này.

2/- Tại Thị-Xã và Xã.- Thị và Xã-Trưởng đều do dân chúng bầu lên có quyền kiểm soát cùng đại thọ phí-khoản các trường Đại-Học, Cao-Đẳng của Thị-Xã và Xã.

Ủy-Ban Giáo-Dục của Xã và Thị Xã gồm 5 Hội-viên (4 được bầu lên và 1 là Dân-Biểu của địa phương đề cử) điều đáng chú ý là các Hội-viên này không bắt buộc phải là nhà giáo.

Ủy-Ban này có quyền :

- Thiết lập, kiểm soát, đại thọ các Câu-lạc-Bộ, Thư-viện công của Thị-xã.
- Thiết lập, kiểm soát, đại thọ các trường Đệ I cấp Tiểu-học công lập tại địa-phương.
- Ban hành những quyết định ảnh hưởng tới tình trạng Hành-chánh của các giáo-sư, giáo-viên, Hiệu-Trưởng.
- Thường xuyên đệ trình báo cáo về tình trạng giáo-dục địa phương lên Bộ Giáo-Dục cho phù hợp với đường lối đại-cương do Bộ ấn-định, tuân theo các khuyến cáo của Bộ và nhận trợ cấp hàng năm để đại thọ về lương bổng của các giáo-chức.

C.- Giáo dục hợp tác tại Nhật-Bản.

Nền Giáo-dục Nhật Bản đặt căn bản trên nguyên tắc : dân chủ, hợp tác, khai phóng, cả 3 nguyên tắc chỉ đạo này được chính quyền theo đuổi. Vì tính cách dân chủ, nhà cầm quyền Nhật đã tổ chức nền giáo dục của họ theo chế độ phân quyền rõ rệt bằng cách thiết lập các Ủy-ban giáo-dục Tỉnh, Thị Xã và Xã. Ở bất cứ cấp bậc nào cũng đều do dân bầu. Ngoài ra còn có sự tham gia của vị đại diện ngành Lập-pháp địa phương. Ngay cả Bộ Giáo-Dục cũng có một vị Thứ-Trưởng là Nghị-Sĩ Quốc-Hội. Điều này chứng tỏ quốc-gia Nhật Bản có dụng ý tạo cho bộ máy giáo dục của họ một tinh thần dân-chủ thật-sự, một sự hợp tác rộng rãi giữa dân chúng và chính quyền, giữa Lập pháp và hành pháp, giữa dân chúng với nhau.

Trong lãnh vực giáo dục, sự hợp tác giữa dân chúng và chính quyền được coi là quan-trọng hơn cả. Chính quyền trung-ương ấn-định đường lối đại cương, hướng dẫn và khuyến cáo các ủy ban giáo-dục Tỉnh, Thị Xã và Xã nhằm tạo sự duy nhất trong đường hướng giáo-dục quốc gia. Ngoài việc tài trợ cho các học-đường quốc-gia và điều hành nội bộ, Bộ giáo-dục còn trợ cấp hàng năm một số ngân khoản đáng kể cho các Ủy-ban Giáo-dục Tỉnh, Thị Xã và Xã. Bộ giáo-dục thường được rảnh tay lo liệu các vấn đề có tính cách tổng quát và lý thuyết để điều hướng nền giáo dục chung trên toàn quốc, cùng hỗ trợ cho các địa phương nếu xét thấy cần.

Tại Tỉnh, Thị Xã và Xã, các vị Tỉnh, Thị và Xã Trưởng đều do dân chúng bầu lên, đại diện cho dân để điều hành guồng máy hành-chánh tổng quát cho từng địa-phương, thêm vào đó lại còn có nhiều quyền hành rộng rãi dễ dàng phối hợp với từng Ủy-ban giáo-dục liên hệ đều do dân cử hoàn thành sứ-mạng giáo-dục chung cho địa phương mình. Chính vì đặc

tính dân chủ, các vị này có thể vững tin để cùng nhau cộng tác chặt chẽ hơn.

Ngoài ra các vị có thẩm quyền về giáo dục tại địa phương, họ xuất thân từ địa phương đó nên thấu hiểu hoàn cảnh và nhu cầu của từng địa phương hơn bất cứ ai, nên những sáng kiến, những kế hoạch của họ thường được toàn dân trong khu vực thuộc quyền đón nhận với nhiều thiện cảm. Do đó dân chúng sẽ sẵn sàng tham gia và hỗ trợ để hoàn thành tốt đẹp các kế-hoạch giáo-dục đã vạch ra.

Vì tinh thần dân chủ trong các hoạt-động giáo-dục được thể hiện, dân chúng cũng như chính-quyền địa phương sẽ cảm thấy mình được tự do làm chủ mọi hành động có lợi cho nền giáo dục địa phương mình. Họ sẽ tìm đủ mọi cách cố gắng tới mức tối đa và không bị ràng buộc bởi bất cứ ai để hoàn thành sứ mạng giáo dục được đề ra, miễn là vẫn đi đúng đường hướng đại-cường do Bộ Giáo-Dục ấn-định, cùng tuân theo các khuyến cáo của chính quyền Trung-ương là đủ.

Ngoài sự hợp tác giữa chính quyền và dân chúng, giữa dân chúng với nhau. Đặc biệt tại Nhật-Bản có sự hợp tác giữa Lập-Pháp và Hành-pháp, sự hợp tác này có tính cách tạo sự thông cảm giữa các cơ quan dân chủ và chính quyền nhằm bổ túc, giám sát cùng điều chỉnh hướng đi của nền giáo dục cho phù hợp với toàn thể hoạt động chung của quốc gia.

Tóm lại, chiều hướng giáo dục hợp tác tại Nhật-Bản được đặt căn bản trên nền tảng dân chủ thật sự. Giáo dục hợp tác này được thể hiện trên một bình diện rộng rãi bao gồm nhiều thành phần từ hành-pháp qua lập-pháp, từ chính quyền đến dân chúng, từ trung ương tới địa phương.

Với thể liên hoàn chặt chẽ đó đã là một bả quyết đem lại sự thành công mỹ mãn cho nền giáo dục Nhật-Bản.

Tại Đài-Loan.-

1/- Sơ lược về tổ chức giáo dục tại Đài-Loan.-

Tại Trung-Hoa Quốc-Gia nền giáo-dục được tổ chức theo hệ-thống phân quyền. Trên hết là Bộ Giáo-Dục gồm 01 Bộ Trưởng, 02 Thứ-Trưởng, 01 Tổng thư ký, thêm một số đồng thanh tra và các nhân viên hành-chánh điều hành.

Tại Đài-Loan có nhiều loại trường sở gồm : Đại-Học, Cao-Đẳng, Trung-học, Tiểu-học, Xã Hội Học và những việc tổng quát. Bộ Giáo Dục chỉ có quyền giám-sát nhưng nhiều khi lại không sử dụng quyền này. Bộ chỉ lo ban hành những chỉ thị, soạn thảo ngân sách giáo khoa cho bậc Trung-Học.

Ngoài ra các vấn đề tài chánh, xây cất trường sở, điều hành và quản trị học đường đều do các cơ quan giáo dục và chính quyền địa phương đảm nhiệm.

Nền Giáo-dục Đài-Loan được chia làm 4 Học Khu : Đứng đầu mỗi Học-Khu có một Ủy-viên Giáo-Dục, 01 Phụ-tá, 01 Tổng thư ký, rất nhiều Thanh-Tra và các nhân viên hành-chánh. Với 5 Ban chuyên môn. Trong mỗi ban chuyên môn đều có phần vụ riêng liên quan tới các vấn đề : Điều hành tổng quát các trường Đại-Học, Cao-Đẳng, Trung Tiểu-học, Sư-phạm, kỹ-thuật chuyên môn, ngành Xã hội học, ngành giáo dục của các bộ lạc sơn cước.

Tại mỗi Tỉnh thường được chia ra thành nhiều Tổng hay Thị-Xã thường được hưởng quyền tự trị. Tại các đơn vị hành chính Tổng, Thị-Xã đều có một văn-phòng giáo dục, văn phòng này phụ-trách các vấn đề tài chánh, kiểm soát các trường Tiểu và Trung-Học.

Về phương diện tài chánh theo điều 164 Hiến-Pháp Trung-Hoa : "giáo-dục, khoa học và văn-hóa chiếm ít nhất 15% ngân sách quốc gia, 25% ngân sách Tỉnh và 35% ngân sách Tổng. Nhưng trong thực tế sự ấn-định thường được áp dụng một cách mềm dẻo hơn.

Song hành với các hoạt động do Bộ Giáo-dục hay các cơ quan giáo dục địa phương tổ chức, tư nhân tại đây cũng đóng góp một phần đáng kể cho nền giáo dục Trung-Hoa. Các trường tư được tự do thành lập và hoạt động miễn là tôn trọng luật lệ và chịu sự kiểm soát của chính quyền địa phương.

2/- Giáo dục hợp tác tại Trung-Hoa Quốc-Gia.-

Tại Đài-Loan đang có dự tính cường bách giáo dục lên 9 năm - trong khi tại Việt-Nam thời gian cường bách 5 năm cũng chưa được hoàn thành - chứng tỏ nền giáo dục tại quốc gia này đã có sự tiến bộ đáng kể. Đó chính là nhờ chính quyền Trung-Hoa Quốc-Gia có một chính sách giáo dục hợp lý và tiến bộ. Một chính sách phân quyền rộng rãi đã được áp dụng. Bộ Giáo Dục cũng như tại các Học Khu, họ tự hạn chế quyền hành trong các nhiệm vụ : hoạch định đường lối, chính sách cũng kiểm soát sự tiến triển của ngành này mà thôi. Tất cả các phần vụ khác như quản trị và điều hành các trường sở đều do chức chương các đơn vị hành chính tự trị (Tổng, Xã) đảm nhiệm cả. Vì được tự trị nên các vị đứng đầu Tỉnh, Xã hợp cùng văn phòng giáo dục liên hệ phải hiệp lực cùng nhau để tổ chức và điều hành

công việc giáo dục riêng cho địa phương mình. Khu học chánh cũng như Bộ Giáo-dục thường chỉ cộng tác với văn-phòng Giáo-Dục cũng như Tổng-Xã trong việc điều hành tổng quát mà thôi.

Cũng chính vì tính cách tự trị của từng địa phương, ý niệm hợp tác giữa chính quyền và dân chúng càng tỏ ra cần thiết hơn bất cứ lúc nào. Nếu mọi người không biết hợp tác chặt chẽ với nhau để cải thiện tình trạng địa phương, họ phải gánh chịu mọi hậu quả bất lợi. Chính quyền trung ương vì tinh thần dân chủ không thể can thiệp vào nội bộ các địa phương này.

Nói chung, nền giáo dục tại Đài-Loan được tổ chức dựa trên yêu tố hợp tác giữa chính quyền và dân chúng và giữa dân chúng với nhau đặt nền tảng trên tinh thần dân chủ nhờ chính sách phân quyền rộng rãi. Chính sách này thực tế đã mang lại kết quả tốt đẹp cho Trung-hoa Dân-quốc ngày nay.

..

———— phần hai

nhận_xét và đề_nghị
về hình_thức , mức_độ
tham_gia của dân_chúng

CHƯƠNG MỘT

NHẬN XÉT VÀ ĐỀ NGHỊ VỀ HÌNH THỨC THAM GIA

* Đoạn 1. - Ý kiến của dân chúng cần được chính quyền tham khảo và thực thi.

A. - Về chính sách giáo-dục. -

1/- Căn bản của giáo dục trong Hiến-pháp : Một chính sách giáo dục muốn được thiết thực và bền vững, phải dựa trên thực trạng quốc gia và tiến triển quốc tế, để đáp ứng những nhu cầu và nguyện vọng dân tộc nhưng đồng thời lưu ý để thích ứng hoặc để tránh những kinh nghiệm về giáo dục của các nước trên thế giới.

Trong hai đoạn 10 và 11 của Hiến-Pháp 1.4.67 đã đặt giáo dục vào hàng quốc sách và nêu lên những nguyên tắc về giáo dục.

Điều 11 đặt căn bản của chính sách văn hóa giáo dục :

- a) "Văn-hóa giáo-dục phải được đặt vào hàng quốc sách trên căn bản dân tộc, khoa học và nhân bản".
- b) "Một ngân sách thích đáng phải được dành cho việc phát triển giáo dục".

Trong thực tế, theo thứ tự ưu tiên quốc gia hiện hữu, giáo dục chưa được quan niệm đúng mức như một quốc sách vì thế chưa được dành một ngân khoản thích đáng.

Trong điều 10, đặt những nguyên tắc về giáo dục : "Quốc-gia công nhận quyền tự do giáo dục; nền giáo dục Đại-Học được tự trị ; những người có khả năng mà không có phương tiện sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn".

Tính cách cưỡng bức của giáo dục cơ bản không những không mâu thuẫn với tự do giáo dục, mà là một điều kiện tất yếu để thực hiện tự do giáo dục, vì để lựa chọn một ngành học, trước hết phải có một vốn tối thiểu. Cưỡng bách và miễn phí giáo-dục cơ bản là thực hiện quyền được giáo dục của mọi công dân.

Tự do giáo dục còn bao hàm thái độ của chính quyền đối với các tư thực từ mẫu giáo đến Đại-Học. Trường tư phải được xem ngang hàng với trường công và được giúp đỡ thích ứng để có thể góp sức hữu hiệu và đúng mức vào công cuộc giáo dục quốc gia.

Tính cách tự trị của Đại-học là một quyền được thế giới công-nhận, nhằm bảo vệ tự do tư tưởng, nghiên cứu và sáng tác của một giới đã trưởng thành trong cấp cao nhất của giáo dục, trong tinh thần tôn trọng luật pháp quốc gia.

2/- Quan niệm của dân chúng về nền giáo dục hiện nay.-

Mục tiêu của giáo dục là "đại chúng và thực dụng", nhưng chính sách giáo dục để phát triển vẫn chưa được đẩy mạnh, chưa tìm được hướng đi vững chắc và chính xác. Chương trình học vẫn còn vương vấn hình ảnh từ-chương củ-nghiệp thời xa xưa. Dù có phổ thông nhưng thiếu thực-tế; có tính chất khai phóng nhưng thiếu thực dụng. Chương trình thiếu liên tục và thuần nhất.

Hội-Đồng Văn-Hóa giáo dục trong phiên họp ngày 7.9.70 đã phê phán : "Thực trạng giáo dục Việt-Nam và những chương trình, kế hoạch, chính sách nhất thời và vấu đã tạo nên tình trạng bế tắc trầm trọng trong mọi ngành giáo dục, nên dù giới hữu quyền đã cố gắng nhưng giáo dục chẳng những không đáp ứng được phát triển xứ sở, sự mong đợi của dân chúng, nhất là thế hệ thanh thiếu niên mà còn làm hư hỏng cả một truyền thống giáo dục tốt đẹp dựa trên căn bản đạo lý."

Với hiện trạng kể trên, chính sách giáo dục cần phải được đặt lại. Muốn phát triển giáo dục để yểm trợ và điều hướng phát triển quốc gia, chính sách giáo dục phải làm thế nào để đem cái học thực dụng về với dân chúng.

3/- Vai trò và thế đứng của giáo dục chuyên nghiệp.

Công dân trong đất nước đang mở mang chuyên môn hướng đến sự phồn thịnh và tự do dân chủ đều cảm thấy mình phải đóng góp cho quốc gia một cái gì. Trong thâm tâm của mỗi cá nhân đều muốn nắm lấy phần chắc : Một chuyên môn gì để mưu sinh, phụng dưỡng gia đình và phục vụ cho xã hội. Giáo dục chuyên nghiệp là cục bộ trong toàn bộ của giáo dục quốc gia phải được đặt đúng tầm quan trọng của nó, nếu muốn quốc gia này thoát ly khỏi vòng chậm tiến và đuổi kịp các quốc gia tiên tiến thì giáo dục chuyên nghiệp phải được phát triển để đáp ứng đòi hỏi của dân chúng.

Họ mơ ước được trưởng thành hoặc tăng trưởng về khả năng kỹ thuật để nhận lãnh trách nhiệm, để được hành diện là một công dân sản xuất trong thôn, ấp, làng mạc, trong quốc gia và mọi sự góp phần

của họ được công nhận và có giá trị. Giáo dục chuyên nghiệp phải nhằm giải quyết đào tạo để tìm công ăn việc làm cho mọi người và tránh sự xáo trộn cho xã hội.

Nhưng thực tế ngành học kỹ-thuật trong việc tiến đạt mục đích và gần như tất nghẽn. Nhu cầu quốc gia đang cần nhiều nhân lực chuyên môn, giáo dục kỹ thuật chưa thoát khỏi vòng luẩn quẩn, cung cầu không giao hợp vì thiếu một chính sách nằm trong kế hoạch toàn diện của quốc sách : nhân dụng, điều hòa nhân công và công cuộc huấn luyện.

B.- Cần phải tham khảo ý kiến của dân chúng trong việc xây cất trường ốc.-

Những thành quả đạt được trong việc xây cất trường ốc là nhờ hai chương trình Bình-Định Nông-Thôn và Phát triển Xã, Ấp. Chính-quyền đã nhận chân được những khiếm khuyết trong kế hoạch bình định nông thôn nên đã chuyển dần quyền xây cất và quản trị trường ốc cho dân chúng.

1/- Những khuyết điểm trong chương trình Bình-Định Nông-Thôn.-

Ngân sách bình-dịnh nông-thôn biệt lập với ngân sách Tỉnh, mỗi năm tùy theo tình hình tài chánh, Ủy-Dan Điều-Hợp và Phát-Triển sẽ nghiên cứu và dành một phần cho công việc giáo-dục. Nhưng trong kế hoạch bình-dịnh phát triển chính quyền thường có khuynh hướng "độc lập hành động", ý kiến của dân chúng ít được tham khảo một cách tường tận. Giới chức hữu trách chỉ hỏi ý kiến qua những người thân cận nên không thấu hiểu ý-nguyện của dân chúng.

Sau đó thì kêu gọi dân chúng tham gia vào công tác, người dân có ý tưởng là một sự bó buộc nên họ thường lơ là trong công việc đóng góp về nhân, tài cũng như vật lực.

Nếu chính quyền có xây cất được một ngôi trường khang trang, thì dân chúng xem đó là một đặc ân của chính quyền ban phát, họ không thiết tha trong việc bảo vệ cũng như duy trì cơ sở. Các chương trình bình định trong quá khứ đã mang nhiều thất bại, vì vấp phải lỗi lầm là không làm thay đổi được tính ý lại của người dân.

Một công tác muốn thành công, cần phải chú trọng yếu tố tâm lý của dân chúng, vì yếu tố tâm lý là đối tượng của toàn bộ công tác.

2/- Chương trình phát triển tự-túc trong lãnh vực giáo dục.-

Trong chương trình phát triển tự-túc Xã, Ấp, chính quyền đã rút tĩa được khá nhiều kinh nghiệm, nên mỗi công tác cần thực hiện đều được ghi vào bảng "công khai hóa" để chuẩn bị tinh thần dân chúng. Đến kỳ đại hội nhân dân trong xã, các dự-án công-tác được phổ biến rộng rãi. Khi dân chúng xét rằng nhu cầu xây cất trường ốc là cần thiết, thì ý kiến được ghi vào "bảng quyết nghị", cùng ấn định thành phần và số lượng nhân, tài và vật lực của dân chúng. Vì vậy, khi công tác xây cất trường ốc bắt đầu, người dân không cảm thấy ngỡ ngàng và ý nghĩ đó là cơ sở của nhà nước không còn nữa. Song song với việc thực hiện công tác, chính quyền cần phải huy động sự đóng góp của dân chúng để họ tham gia một cách tích cực hơn. Đây là công việc của cán bộ hạ tầng. Nông thôn chúng ta có rất nhiều loại cán bộ, nhưng lại thiếu cán bộ am tường quốc sách và có tinh thần phục vụ tại nông thôn.

Trong lãnh vực giáo dục, chính quyền phải kích thích tinh thần học hỏi cũng như tham gia của dân chúng, thì nền giáo dục mới phát triển được. Chỉ khi nào người dân nghĩ rằng họ đã thực sự quyết định vận mạng và tương lai của con cháu họ, thì toàn bộ công tác xây cất và bảo trì trường ốc sẽ được chính người dân đảm trách.

* Đoạn 2. - Dân chúng tham gia vào công việc giáo dục qua hình thức đóng góp.-

A.- Những khiếm khuyết về cơ sở và phương tiện trang bị.-

Việt Nam qua những thay đổi lớn lao về phương diện chính trị, xã hội, kinh tế và chiến tranh ngày càng khốc liệt đã gây nhiều ảnh hưởng tai hại cho nền giáo dục và giới hạn rất nhiều khả năng phát triển trong lãnh vực này.

Từ 1954, bậc tiểu học đã tăng 500%, Trung-Học 1000% và Đại-Học 1.200%, ngành Kỹ-thuật chuyên-nghiệp 1.400%.

Từ niên khóa 1967-1968 đến 1970-1971, sĩ số học sinh và trường ốc đã gia tăng như sau :

- Ngành Tiểu-học công và tư :

+ Số trường từ 5.053 đến 7.984 (58%) .

+ Học sinh 2.368.000

- Ngành Trung-Học :

+ Số trường từ 661 tới 886.

+ Sĩ số từ 499.419 đến 715.250 (63,2%)

- Ngành Kỹ-thuật và chuyên nghiệp :

+ Học sinh từ 8.988 tới 14.050 (50,8%)

- Ngành Đại-Học :

* Số sinh-viên : 68.649

* Số trường : 3 Viện Đại-Học công + 5 Viện Đại-Học tư.

Với đà gia tăng số học sinh hàng năm, dù vấn đề trường ốc có phát triển, số giáo chức có gia tăng nhưng vẫn không đủ cung ứng cho nhu cầu. Nhìn học sinh bậc tiểu học còn đi học vào những buổi, những giờ không thích hợp. Ở Trung-Học, trên toàn quốc có khoảng 20 trường lớn ở Đô, Tỉnh, Thị là có phòng thí-nghiệm, về Đại-Học chỉ có những trường chuyên nghiệp tương đối được tuồn tất, còn đa số cơ sở vay mượn không thích hợp với sự học hỏi và nghiên cứu của sinh-viên.

Trong khi đó ngân sách dành cho giáo dục chỉ được dự trữ để điều hành ở mức bình thường. Do đó, không làm sao trang trải nổi những xây cất to lớn, tốn kém và trang bị trường ốc đầy đủ.

Từ trước tới nay, sự đóng góp của dân chúng vào nền giáo dục đã có, nhưng đó chỉ là ý kiến riêng tư của một số cá nhân hay đoàn-thể. Chính quyền muốn phát triển giáo dục thì không còn gì hơn là đặt kế hoạch và khuyến khích dân chúng tham gia.

B.- Sự đóng góp tự nguyện của tư nhân, đoàn thể và tôn giáo.-

1/- Tư nhân và đoàn thể.- Những khiếm khuyết kể trên của nền giáo dục, không phải chính quyền không biết đến. Nhưng phương tiện của quốc gia quá eo hẹp, do đó muốn khắc phục, chính quyền phải cố gắng phần lớn và nỗ lực kêu gọi sự hợp tác của dân chúng.

Ý thức được những thân trạng này trước khi có những lời kêu gọi của chính quyền, các đoàn thể, cơ quan tư nhân đã tự nguyện đóng

góp phần nào vào công tác giáo dục. Những "Hội Văn Hóa Bình Dân", Hội "Giáo Dục Bình Dân" "Trung Tâm Bách Việt", Hội "Văn-hóa Duy-Linh", "Phong Trào Quốc-Gia Cấp-Tiến"... từ trước tới nay đã tổ chức rất nhiều khóa học để trao dồi kiến thức tổng-quát và chuyên-môn cho dân chúng.

Ngoài ra, các xí-nghiệp, công-ty cũng đã giúp đỡ nhiều học-bổng cho học-sinh, sinh-viên các trường công-lập với mục-dịch nâng-đỡ thành-phần hiếu học nhưng thiếu phương tiện. Sau cùng, báo chí với sự đóng góp bài vở, với những người ưu ái với nền giáo dục đã gây ít nhiều ảnh hưởng tốt. Những đóng góp trên tuy nhỏ bé, nhưng cũng làm nhẹ cho chính phủ phần nào gánh nặng.

2/- Sự đóng góp của các Tôn-giáo.

Trong quá trình phát triển giáo dục, các Tôn giáo đã đóng một vai trò quan trọng ở bậc Tiểu và Trung-Học. Đến khi các tôn giáo thiết lập các cơ sở giáo dục Đại-Học, thì người ta mới nhận chân được tầm ảnh hưởng của các tôn giáo đối với nền giáo dục nước nhà.

Tại Việt-Nam, nếu không kể các trường Đại-Học sắp được xây cất, chúng ta hiện có 8 Viện Đại-Học, trong đó chỉ có 3 Viện của chính-phủ, 5 Viện còn lại do các tôn giáo thiết lập và quản trị. Chẳng hạn như Viện Đại-Học Đà-Lạt, Minh-Đức do Thiên chúa Giáo điều khiển, Viện Đại-Học Vạn-Hạnh của Phật-giáo, Viện Đại-Học An-Giang do Phật-giáo Hòa-Hảo quản nhiệm và Viện Đại-Học Tây-Ninh của Giáo-Hội Cao-Đài.

Các Viện Đại Học tư này, do sự đóng góp của tín đồ, Giáo-Hội và dân chúng địa-phương. Hàng năm chính phủ có tài trợ phần nào, kinh phí dành cấp cho các Viện Đại Học tư hiện hữu và tân lập trong niên khóa 1971 là 55 triệu và năm 1972 là 35 triệu đồng. (6)

Mỗi Viện Đại Học ấn định một mức học phí khác nhau, sinh viên theo học ngoài những môn liên hệ đến tôn giáo và thần học, nghiên cứu về khoa học thiên nhiên và khoa học xã hội, đã đóng góp rất nhiều trong sự nâng cao dân-trí.

Trong số các Viện Đại-Học tư, Viện Đại-Học Dalat lâu đời hơn cả, được thiết lập từ năm 1958-1959, hiện nay Viện đủ khả năng thu nhận 2.500 Sinh-Viên mỗi khóa. Trong niên khóa 1971-1972 có 3.877 sinh-viên.

Viện Đại-Học Vạn-Hạnh của Phật-giáo được thiết lập năm 1964, hiện có 2.733 sinh-viên theo học 4 phân khoa : Phật-Học, Văn-Học, Giáo-Dục, Khoa-học xã-hội và Trung-Tâm Ngôn ngữ. Trong tương lai, do nhu cầu của sinh-viên, Viện sẽ mở thêm phân khoa khoa-học kỹ-thuật.

Viện Đại-Học Minh-Đức và An-Giang đều mở vào niên khóa 1970-1971. Viện Đại-Học Minh-Đức hiện có 1.018 Sinh-viên theo học các phân khoa thần học, Triết-học và y-học Đông Tây. Hiện nay, Viện đang nghiên cứu mở thêm các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và kỹ thuật nông-thôn.

Viện Đại-Học An-Giang bắt đầu hoạt động từ tháng 11/1970, mục đích của Viện là đào tạo chuyên viên về các vấn đề kinh-tế, để góp phần vào việc phát triển kinh-tế vùng Châu-thổ sông Cửu-Long.

(6) Ngân-sách Quốc-gia năm 1972.

Viện cũng là một trung-Tâm nghiên cứu về giáo-Lý Phật-Giáo Hòa-Hảo.

Nhìn vào mục tiêu và chương trình giảng dạy của các Viện Đại Học tư, chúng ta thấy chú trọng nhiều về Khoa Thần Học và Khoa-học nhân văn. Chính quyền cần xúc tiến việc thành lập Hội-Đồng Quản-trị các Viện Đại-Học để hoạch định một chương trình giáo dục hợp lý và tránh sự trùng dụng trong các môn học giữa các phân khoá. Ngoài ra, chính quyền còn phải khuyến khích các Viện Đại-Học tư mở những phân khoa nghiên cứu về kỹ thuật và nông nghiệp hầu phát triển kinh-tế trong tương lai.

C.- Sự tham gia của dân chúng qua các hệ-thống tổ chức giáo dục tại Việt-Nam.-

1/- Trong tổ chức giáo dục tập quyền.-

Tổ chức giáo dục tập quyền hiện nay là di sản của thời Pháp thuộc, tất cả mọi công việc của địa phương đều phải di chuyển theo hệ thống quan giai để rồi được giải quyết tại các Nha, Sở thuộc trung-ương. Vì thế, công việc của Bộ Giáo-Dục thường tràn ngập, cần có sự giải quyết tuần-tự, đôi khi làm mất thời gian tính của một vấn đề của địa phương cần xin ý kiến.

Trên bình diện hợp tác giữa dân chúng và chính quyền trong lãnh vực giáo dục, hệ thống kim tự pháp này đã làm dân chúng cảm thấy xa rời với Bộ, và không làm phát triển được tinh thần hàng say đóng góp, ngay cả đến việc đóng góp ý kiến. Dân chúng luôn luôn nghĩ họ là những người "thấp cổ bé miệng" một ý kiến có đưa ra cũng không đi đến đâu, với quan niệm này đã tạo cho người dân tinh thần ỷ lại, mà

hậu quả là đã khoáng trống nền giáo dục cho chính quyền từ suốt hai mươi năm nay.

Trên nguyên tắc, tất cả đều phải tập trung ở trung-ương và sẽ do trung-ương phân-phối tùy theo nhu cầu của từng địa phương, nguyên tắc này đã làm giảm ý chí tưng dũ của tư nhân, đoàn thể và các nhà hảo tâm. Vì tâm lý của những người đóng góp thích được trông thấy kết quả của sự đóng góp.

Với một ngân sách ít ỏi của Bộ Giáo Dục, chính quyền muốn phát triển nền giáo dục, không còn gì hơn là kêu gọi sự tham gia của dân chúng để cùng đầu tư nhân lực hầu phát triển quốc gia.

2/- Trong tổ chức phân quyền giáo dục.

Ngày nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều áp dụng nguyên tắc phân-quyền trong nhiều lãnh vực, các quốc gia như Nhật-Bản, Đài-Loan ... đã theo chân Hoa-Kỳ áp dụng kỹ thuật phân quyền trong lãnh vực giáo dục với sự cộng tác của dân chúng đã đem lại kết quả khả quan.

Tại các quốc gia đang trên đà phát triển, vì tình hình chính trị, xã hội chưa được ổn định nên kỹ thuật này ít được chính quyền đề ra. Riêng tại Việt-Nam, chính quyền đang xúc tiến việc san sẻ quyền hành của Bộ Giáo-dục cho từng địa phương và kêu gọi sự hợp tác của dân chúng để phát triển nền giáo dục. Trái với hệ thống tổ chức tập quyền, trong sự phân quyền giáo dục, Bộ Giáo Dục chỉ còn việc ấn định chính sách tổng quát, giám hộ và khuyến cáo địa phương trong việc thực thi chính sách giáo dục. Mọi vấn đề được giải quyết tại các

Học-Khu, Ủy-Ban Điều-Hợp và Phát-triển Giáo-Dục với sự cố vấn của Hội-Đồng Giáo-Dục địa phương, Hội-Đồng quản trị và các Hội phụ-huynh học-sinh. Ý kiến của dân chúng được thể hiện qua các tổ chức này. Chính sách địa phương hóa giáo dục được đề ra là để áp dụng kỹ-thuật này. Với tiêu chuẩn "do dân đóng góp và phục vụ cho dân", người dân địa phương cảm thấy có bổn phận và trách nhiệm trong việc giáo hóa con em họ, thay vì khoảng trống cho chính quyền như trước đây.

Vì uy-tín của địa-phương sẽ kích thích được lòng hảo tâm của những người giàu có, và tạo tinh thần ganh đua với các địa phương khác, dân chúng sẽ tích cực hơn trong việc tham gia cũng như đóng góp vào công cuộc xây cất trường sở hay trang bị học cụ.

Trải qua những sự đổi thay của thời cuộc, đã tạo cho người dân Việt-Nam bao sự ngờ-vực về phía chính quyền. Nay ý nguyện của dân chúng được thể hiện qua các công trình đem lại lợi ích thiết thực, thì tinh thần dân chủ trong sự cộng tác giữa dân chúng với chính-quyền sẽ được nâng cao.

CHƯƠNG HAI

NHẬN KẾT VÀ ĐỀ NGHỊ VỀ MỨC ĐỘ
THAM GIA CỦA DÂN CHÚNG

♦ Đoạn 1. - Dân chúng tham gia với tính cách tư vấn.

1/- Vai-trò tư-vấn của Hội-Đông Văn-Hóa Giáo-Dục.

Hội-Đông Văn-Hóa Giáo-Dục là một định chế đặc biệt của quốc-gia. Thành phần của Hội-Đông do điều 94 Hiến-pháp ấn-định gồm một phần ba do Tổng-Thống chỉ định; hai phần ba do các tổ chức văn hóa, giáo dục công-tư cùng các hiệp hội phụ-huynh học-sinh đề cử.

Việc Tổng Thống chỉ định 1/3 hội viên là một việc dễ dàng, nhưng việc để cho các tổ chức văn hóa giáo dục công tư cùng các hiệp hội phụ huynh học sinh đề cử là một việc vô cùng khó khăn.

Trước hết những tổ chức nào là tổ chức văn hóa giáo dục? Ví dụ Hiệp hội ký giả có phải là một tổ chức văn hóa giáo dục không? Vì viết báo tức là viết văn, vậy hiệp hội ký giả cũng là hiệp hội văn-hóa! Hội bảo vệ luân lý có phải là tổ chức văn hóa không? Chúng ta rất khó mà xác định được những đoàn thể nào gọi là tổ chức văn-hóa giáo dục. Hiệp hội Phụ-Huynh Học-sinh cũng là những hiệp hội khó xác định. Hội Phụ-Huynh Học-sinh các trường làng, các trường sơ cấp trong Ấp có quyền đề cử người vào Hội-Đông văn-hóa giáo-dục không?⁽⁷⁾

(7) Hiến Pháp Chú-Thích - Trường Tiền Đạt (trang 335)

Nhìn vào số hội viên của Hội-Đông Văn-Hóa Giáo-Dục, đa số thuộc thành phần Giáo-sư Đại-Học, Trung-học tiếng tăm và các học giả tại Thủ-Đô. Với thành phần này, Hội-Đông có thể tư vấn cho chính quyền trong việc hoạch định một chính sách bao quát nên không thể tránh được những lỗi lầm khi đem ra áp dụng tại địa phương.

Khi chính sách địa phương hóa giáo dục được thực thi, mỗi Học khu có thể cử người đại diện vào Hội-Đông Văn-Hóa Giáo-Dục để phối hợp với thành phần thức-giã thủ đô hầu có thể cố vấn chính phủ soạn thảo và thực thi một chính sách giáo dục phù hợp cho tất cả mọi vùng.

Nhìn nền giáo dục ngày nay, ai cũng có thể than rằng "nền giáo dục thiếu tính cách thực tiễn và không phù hợp với hoàn cảnh Quốc-Gia", Hội-Đông Văn-Hóa Giáo-Dục trong phiên họp ngày 07.09.1970 đã phê phán về tình trạng này; Chính-phủ cũng đã cố gắng tìm mọi phương thức hầu đưa nền giáo dục sát với nguyện vọng của toàn dân, trong đó kế hoạch biến cải các trường tiểu học phổ thông thành Tiểu-học Công-dồng. Và chính sách địa phương hóa giáo dục là nhằm mục tiêu trên.

Nhưng tất cả đang tiến hành một cách chậm chạp một phần vì nhân sự thiếu huấn luyện để thực thi chính sách, phần khác dân chúng chưa ý niệm được tầm quan trọng của kế hoạch, nên vẫn còn thờ ơ. Còn về phía chính-quyền, với những biến cố dồn dập, biết bao vấn đề cấp bách cần giải quyết, trong khi phương tiện tài chánh eo hẹp nên đã đặt vấn đề giáo dục vào hàng thứ yếu.

Trong tháng 9/1972, Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục đã khuyến cáo về những ưu-dãi của trường Tabert Saigon đối với một thiểu số học-sinh con nhà khá giả, và những đặc biệt của trường này đã tạo nhiều tệ đoan trong hệ thống giáo dục. Bộ Giáo Dục có thể chấm dứt tình trạng này mà không va chạm đến quyền lợi của một thiểu số có nhiều ưu thế trong xã-hội không?

Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục có đầy đủ thẩm quyền cố vấn cho chính phủ trong việc soạn thảo và thực thi chính sách văn hóa giáo dục. Đã đến lúc các cơ quan đoàn thể, thân hào nhân sĩ mạnh mẽ tiếp tay ngay với Phó Tổng Thống, Chủ-Tịch Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục và quý vị hội viên trong việc này để sớm cứu vãn tương lai của mầm non dân tộc.

Thiết tưởng chúng ta nên duyệt xét lại căn bản nền giáo dục nước nhà, dành cho dân tộc tính một vị thế xứng đáng và không quá lệ thuộc hoặc rập khuôn theo các nền giáo dục Tây-phương. Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục nên triệu tập một khóa họp đặc biệt để thảo luận riêng về vấn đề này một cách chi tiết và đề ra những biện pháp hợp lý và thích nghi hơn với hoàn cảnh đất nước hiện nay. Quy tụ những nhân vật hăng thiết tha với tiền đồ văn-hóa nước nhà gồm quý vị đại-diện các tổ chức văn-hóa giáo-dục công và tư, các hiệp hội phụ-huynh học-sinh. Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục cần nghiên cứu và khuyến cáo chính phủ cùng quốc dân về đường lối, chính sách và mục tiêu cần đạt được trong đoản kỳ cũng như trong trường kỳ, để giúp cho học đường hoàn thành chu đáo nhiệm vụ đầu tư nhân tài hữu ích cho đất nước và mai hậu trên cả hai phương diện lượng cũng như phẩm.

2/- Vai-trò tư vấn của Hội Đồng Giáo-Dục địa-phương và Hội-Đồng Điều-hợp và Phát-triển giáo dục.-

Trên nguyên tắc vai trò của hai Hội-Đồng này rất quan-trọng trong việc cố vấn và thiết lập kế hoạch giáo dục cho Học-Khu cùng quản trị ngân-sách phát triển giáo-dục địa-phương.

Tháng 8/1972, chính quyền đã thành lập Khu-Học Chánh kiểu mẫu Saigon-Gia-Định, và trên toàn quốc các Học Khu đã được thành lập dựa theo sự phân chia của các Quân-Khu hiện hữu, nhưng cơ-cấu tổ-chức chưa được hoàn thành. Các Học-Khu hiện nay mới chỉ là những gạch nối giữa trung ương và địa phương. Những tổ chức giáo-dục địa-phương đang trong thời kỳ chuẩn-bị, Hội-Đồng Giáo-Dục Địa-Phương và Hội-Đồng điều hợp và Phát-triển Giáo-Dục còn trong giai đoạn xúc tiến, nên thực tế vai trò của hai Hội-Đồng này chưa được xác định.

3/- Vai trò của Hội-Đồng Du-Học và chính sách giáo dục hiện nay.-

Gần đây dân-chúng đã phê phán nhiều về chính sách du-học. Một khuyết điểm quan trọng của vấn đề du-học hiện giờ là thiếu một chính sách. Sinh-viên đã được du học qua bữa bãi. Chính quyền thiếu chỉ hướng đã không căn cứ trên nhu cầu chuyên viên cần đào tạo, không tính toán chi phí đầu tư cùng lợi ích mang lại. Chính vì vậy đã có tình trạng Sinh-viên học những ngành không cần thiết, học không kết quả, sinh-viên không hồi-hường, và sinh-viên hồi-hường đã không được sử dụng đúng khả năng...

Hội-Đồng Du-Học đã không có nguyên tắc cứu xét du học, vấn đề đã thay đổi từ năm này sang năm khác, có năm dựa theo tiêu chuẩn bằng

cấp cộng thêm khả năng sinh ngữ, có năm căn cứ trên học bạ và ngoại ngữ được xem nhẹ (đối với các quốc gia không đòi hỏi điều kiện sinh ngữ như Nhật-Ban, Ý Đại-Lợi, Đức ... chỉ cần chứng chỉ vở lòng sinh ngữ).

Nha Du-học và Học-Bổng cần phải được cải tổ nhằm tổ chức thể nào để cơ quan này làm việc hữu hiệu hơn, có khả năng nghiên cứu đưa ra các kế hoạch và nguyên-tắc du học hợp lý.

Về thành phần của Hội-Đồng Du-Học cần được đề cử một cách thận trọng và có tiêu chuẩn (thay vì căn cứ trên chức vụ quyền hành hay sự rảnh rỗi ...) để soạn thảo một chính sách du học tương hợp với chính sách đào tạo nhân lực bằng giáo dục. Chính sách giáo dục Việt-Nam hiện thời đặt trên căn bản nhân bản, đại chúng và thực dụng, như vậy chính sách du học không thể ra ngoài căn bản đó. Thêm vào đó chính sách du học phải nhằm đáp ứng chính sách đào tạo nhân lực cung cấp cho nền kinh-tế để đóng góp vào công cuộc phát triển quốc gia.

Trong Hội-Đồng Du-Học đã có đại diện của Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo Dục, chúng tôi thiết nghĩ thành phần cần mở rộng với sự cộng tác của Lập-Pháp, một sự hợp tác hỗ tương giữa Hành Pháp, Lập Pháp và dân chúng sẽ tìm một hướng đi vững chắc cho chính sách du học nước nhà.

4/- Sự thờ ơ của các Hội Phụ-huynh Học-sinh.-

Tại nhiều nơi phụ huynh học sinh vẫn chưa ý thức được tầm quan trọng của Hội này trong việc hợp tác để phát triển giáo dục giữa học đường và cộng đồng, trong việc phục vụ quyền lợi học sinh.

Mặt khác, cũng vì những người có trách nhiệm không chịu giải thích, vận động để phụ huynh học sinh thấy rõ sự ích lợi khiến họ không còn thờ ơ trong việc thành lập này.

Mỗi kỳ đại hội phụ huynh học sinh, thường thành phần tham dự không quá 40, 50 người, đa số là những vị trong ban chấp hành. Sở dĩ có sự thờ ơ như vậy chẳng qua các vị phụ huynh học sinh còn mang nặng thành kiến nhiệm vụ dạy dỗ là của Bộ Giáo Dục, của nhà trường. Họ có bốn phận lo cho con em có cơm ăn, áo mặc là đủ.

Vì tính cách hoạt động rời rạc của Hội Phụ Huynh Học-sinh, nên đã không động viên được tinh thần của các hội viên trong công việc đóng góp ý kiến, giúp đỡ nhà trường hoạch định một chương trình giáo dục thích hợp.

Về mặt tài chánh, công việc của Hội Phụ-huynh học-sinh được trao cho ban quản trị hay ban chấp hành lo liệu. Nói chung, chưa thấy một Hội Phụ-huynh Học-sinh nào có thể hoạch định một chương trình cộng tác dài hạn để yểm trợ cho nhà trường về mọi phương diện.

Đối với các trường công lập, Hội phụ-huynh học-sinh còn ý lại vào Chính quyền. Nhưng đối với trường Bán Công, tư-thục, chính quyền chỉ có bốn phận hướng dẫn, khuyến cáo và đôi khi có sự trợ cấp nhưng chỉ là để khuyến khích.

Công việc hỗ trợ đó, không thể để cho ai lo ngoài chính phụ huynh học sinh.

Thực tế thật bi đát, không những các vị phụ huynh học sinh

các trường Bán-công, tư thục lại hoạt động kém hơn các trường Công-lập. Thì nhà trường còn biết trông cậy vào đâu ?

Trong phạm vi một Quận, đa số các gia đình đều có con em theo học tại các trường Tiểu-học và Trung-học. Chính quyền địa phương, nhất là những trường sở tại phải làm thế nào giải thích để dân chúng tham gia vào hoạt động của trường một cách tích cực hơn hầu đóng góp ý kiến, hoạch định chương trình giáo dục cho địa phương.

Khi ước vọng của dân chúng được chính quyền địa phương hợp tác trong chiều hướng hỗ trợ trường thì nền giáo dục mới có thể điều hòa và phát triển được.

* Đoạn 2. - Dân chúng tham gia với tích các đồng quản trị cơ sở giáo dục.

A. - Bậc Trung-Học. -

1/- Vai trò của Hội Phụ-Huynh Học-Sinh trong trường bán công. -

Trường bán công là một phương thức tiên phong của trường Tỉnh hạt. Trường bán công bắt đầu được thành lập ở nhiều nơi trên toàn quốc vào năm 1955. Hồi đó, trên toàn quốc có 53.561 học-sinh trung-học, trong khi đó chỉ có 133 trường. Vì không thỏa mãn được nhu cầu học hỏi nên Bộ Giáo Dục đã cho thiết lập tại địa phương một số trường bán công.

Theo Sắc-Lệnh số 230-GD ngày 27.6.55 chính quyền cho tổ chức trường bán công đặt căn bản trên sự cộng tác giữa Bộ Giáo-Dục, chính quyền địa-phương và Phụ-huynh Học-sinh. Trong phương thức hợp

tác này, dân chúng địa phương và phụ huynh học sinh có thể trợ cấp đất đai hay đóng góp tiền bạc để xây cất trường ốc. Hàng tháng PHHS phải đóng học phí cho con em đang theo học tại trường, nhưng số học phí này không thể bằng hay cao hơn các trường tư. Bộ Giáo Dục cung cấp giáo chức.

Hình thức trường bán công đối với tiểu học không mấy phát triển, trong niên khóa 1964-1965 chỉ dạy cho 1.581 học sinh, nay không còn hoạt động nữa. Ở bậc Trung-Học năm 1970, có 58 trường Bán Công trung-học đệ I cấp, và 32 trường Trung-Học Bán-Công đệ II cấp giảng dạy cho 54.325 học-sinh⁽⁸⁾.

Hội Phụ-huynh Học-sinh trong trường bán công đóng một vai trò quan trọng. Hàng năm, Phụ-huynh học-sinh bầu người đại diện vào Hội-Đồng Quản-Trị nhân kỳ khai giảng. Số hội viên nhiều ít tùy thuộc vào cơ sở trường lớn hay nhỏ. Hội-Đồng có nhiệm vụ ấn định lệ phí, học phí, điều hành và kiểm soát về học vụ cũng như tài chánh. Cuối mỗi niên khóa, Hội Đồng tường trình kết quả hoạt động trong năm, đồng thời đề nghị tu bổ hay xây cất thêm phòng học tùy theo tình hình tài chánh.

Nhận thấy Hội Phụ-huynh Học-sinh của các trường bán công đã cộng tác chặt chẽ với nhà trường không những trên phương diện tài-chánh, học vụ mà còn lưu ý đến việc học hành, đến hạnh kiểm của học sinh nhiều hơn so với các tư thực. Quan niệm của dân chúng và giáo dục đã thay đổi, không còn khoảng trống cho chính quyền như xưa nữa.

Đối với những trường Bán-Công không còn khả năng hoạt động được nữa hoặc tự nguyện chuyển cơ sở cho Bộ, Bộ đã đi đến quyết định là biến cải chúng thành những trường Tỉnh Hạng mới hay sát nhập vào các trường Tỉnh hạng địa-phương.

2/- Trường tỉnh hạng và vai trò của Hội-đồng Quản-trị.-

Việc thiết lập trường Tỉnh hạng đã được chính quyền đề ra từ 1966, trường đặt căn bản trên sự hợp tác của Phụ-huynh học-sinh, chính quyền địa phương và Bộ Giáo-dục.

Theo tinh thần Sắc-Lệnh số 168-SL/GD ngày 8.10.66 của Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Ưong thì việc xây cất, trang bị và tu bổ cũng như mọi chi phí khác do Phụ-huynh học-sinh và chính quyền địa phương đóng góp. Bộ Giáo Dục sẽ bố dụng và đài thọ lương bổng nhân-viên. Trường có thể gồm 2 bậc Tiểu-Học và Trung-Học. Bậc Trung-học có thể theo chương trình phổ thông, kỹ thuật hay chuyên nghiệp. Chương-trình giảng dạy là chương-trình các trường công lập hiện hành.

a) Về tổ chức và điều hành.- Theo Nghị-Định số 1297/GD/PC/ND ngày 7.6.67 trường Tỉnh hạng được điều hành bởi một Hội-đồng Quản-trị và Ủy-Ban Điều-Hành. Hội-Đồng Quản-trị do Đô, Tỉnh hay Thị Trưởng làm Chủ-tịch và 12 Hội-Viên, trong đó có một Đại Diện của Phụ-huynh Học-sinh Trung-Học Tỉnh Hạng, một Đại Diện của Phụ-huynh học-sinh Tiểu-học Tỉnh Hạng và một thân hào nhân sĩ địa phương.

Nhiệm kỳ Hội-Đồng Quản-Trị là 2 năm và có thể tái tục.

b) Nhiệm vụ của Hội-Đồng Quản trị là hướng dẫn, đôn đốc, kiểm soát ban điều hành, tìm mọi biện pháp thích nghi để gây quỹ, giúp phương tiện hoạt động cho trường và hoạch định chương trình của trường, của lớp.

Ban điều hành có nhiệm vụ thu góp học-phi, gửi quỹ, gửi số sách chi thu, thi hành các quyết nghị của Hội-đồng Quản-trị và chịu sự kiểm soát của Hội Đồng này.

Ban điều hành do Ông Hiệu-Trưởng làm Chủ-tịch. Trong số hội viên có một đại diện giáo chức nhà trường và một đại diện Phụ-huynh Học-sinh của trường.

Giá biểu học phí do Hội-Đồng Quản-trị ấn-định, sau khi tham khảo ý kiến của Phụ-huynh Học-sinh. Giá biểu này chỉ bằng phân nửa học phí các trường tư sở tại. Hội-Đồng Quản-trị có thể cứu xét việc miễn giảm học phí các trường tư sở tại. Hội-Đồng Quản-trị có thể cứu xét việc miễn giảm học phí cho học sinh nghèo. Khoản tiền học phí thu vào sẽ được phân chia như sau : 3/4 thuộc quỹ nhà trường dùng để xây cất, trang bị và điều hành, 1/4 còn lại thuộc quỹ Hội-đồng Quản-trị dùng vào chi phí điều hành, trợ cấp những trường Tỉnh Hạt địa phương yếu kém và sau cùng khuyết trường trường Tỉnh hạt.

Niên khóa 1971-1972, số phòng đã xây cất cho các trường Tỉnh Hạt do ngân quỹ của Hội Phụ-huynh học-sinh là 50. Riêng về quỹ của chính quyền địa phương, ngân sách tự túc phát triển dài thọ xây cất được 66 phòng cho trường Tỉnh hạt và ngân sách bình định dài thọ xây cất được 85 phòng. (9)

(9) Tài Liệu Cộng-Đồng Tự-Vệ và Cộng-Đồng Phát-triển. Do Bộ Phát triển Nông-thôn an hành 1972.

Đối với các trường Trung-Học tỉnh hạt hoàn toàn tự túc do sự tạo dựng của dân chúng địa phương. Theo Văn-thư ngày 12.11.70, Bộ Giáo Dục đã quy định về điều kiện thiết lập trường tự túc, ta thấy trường phải tự đài thọ về các khoản chi phí sau :

- Xây cất và tu bổ trường sở.
- Trang bị bàn ghế và dụng cụ.
- Tuyển chọn giáo sư, mọi nhân viên của trường và đài thọ cả lương bổng.
- Thanh toán mọi chi phí khác.

Như thế Bộ Giáo Dục không trợ cấp một ngân khoản nào theo phương thức này cho việc giáo dục địa phương. Để có ngân khoản điều hành và hoạt động, trường cần phải có sự đóng góp của địa phương, nghĩa là Phụ-huynh học-sinh phải trả học phí cho con em theo học tại trường này. Vấn đề thu học phí trường cũng trọn quyền quyết định. Khi đề cập đến vấn đề học phí, văn-thư kể trên đã ghi rằng "tiền học phí tùy địa phương", như vậy trường tự túc đã hoàn toàn tự túc về ngân-sách.

Các trường Tỉnh Hạt hoàn toàn tự túc phải chịu sự thanh tra thông thường của Nha Trung-Học. Hàng năm, Hội-đồng Quản-trị sẽ đề nghị một ban điều hành và Bộ sẽ đề cử bằng quyết-định.

Sau một thời gian các trường Tỉnh hạt hoàn toàn tự túc, đã hoạt động điều hòa đúng theo những điều kiện của những trường Tỉnh Hạt, Bộ có thể cử Thanh-tra đến tận chỗ xem xét. Tùy theo khả năng nhân sự và ngân sách, sau này Bộ có thể yểm trợ những trường này như

các trường Tỉnh Học. Đối với những trường Tỉnh-Học hoàn toàn tự túc, chúng ta cần đặt vấn đề là thu học phí có đem lại lợi ích thiết thực không ?

3/- Việc thu học phí ở trường công.

Các trường công lập ở nước ta lâu nay thực ra không phải là bậc học miễn phí. Dù muốn dù không cũng đã có đại đa số học sinh cấp này phải trả học phí, đó là số học sinh ở trường tư. Chỉ có chuyện bất công lại là số trẻ chịu thiệt thòi hơn hết vì ở trường tư việc học hành, hạnh kiểm không được chăm sóc bằng ở trường công. Trong khi đó thì ngân sách quốc-gia do toàn dân đóng góp lại chỉ dùng đài thọ việc học cho một thiểu số. Trường công có nhiều phương tiện về trang bị và nhân sự được chính phủ trực tiếp chăm nom. Hàng năm lại thi tuyển chọn lấy một số rất hạn chế học trò giỏi, thông minh để dạy, còn phần lớn trẻ còn lại, học kém hơn, đáng lẽ phải được giáo hóa chu đáo hơn thì lại phó mặc cho trường tư. Trẻ nào ở trường công mà học dở, hạnh kiểm xấu bị đuổi thì ra học trường tư : Thành ra các thầy giáo công có thể ví như những thầy thuốc chỉ chọn người khỏe mạnh mà chữa còn các thầy trường tư phải lo chăm sóc những bệnh nhân.

Nay nếu trường công lẫn trường tư đều lấy học phí thì ít ra cũng có chỗ công bình hơn và với học phí thu được, chính phủ sẽ mở thêm trường công để nhiều em có chỗ học hành không quá tốn kém. Khi cả trường công và trường tư đều lấy học phí thì học trường công không còn là một đặc ân để phụ huynh phải lo lắng cho con vào trường công nữa. Và lại nếu thu học phí thì không phải tất cả học sinh trường công

đều nạp cả, một số em nghèo sẽ được miễn giảm, chỉ những em giàu mới phải đóng góp mà thôi.

Lại nữa, học phí thu được ở mỗi địa phương rồi cũng được gửi lại cho địa phương sử dụng chủ yếu là để mở thêm lớp, không gửi về trung ương, hầu tránh mọi nghi ngờ rằng chính phủ đã đặt thêm một thứ thuế đánh vào những người có con đi học.

Ta thấy rằng việc thu học phí ở trường công tự nó không có một hiệu lực trực tiếp, không phải máy móc để cho có công bằng giữa những kẻ học công và học tư, vì dù sao có một thiểu số khỏi đóng góp còn hơn là tất cả đều phải đóng góp. Vấn đề chính là tùy ở số tiền thu được có giúp ta giải quyết vấn đề gì hay không. Vì vậy ta phải ước tính xem số tiền thu được sẽ là bao nhiêu và nhờ đó ta làm được những gì để cải thiện tình trạng hiện tại.

Trước hết, hiện nay học sinh các trường trung học cũng khá đông nhưng số học sinh nghèo không phải là ít : trường ở đô thị thì con của quân nhân công chức chiếm từ 40 đến 60%, trường ở Quận thì con của đồng ^{hào} /nghèo cũng xấp xỉ tỷ lệ ấy. Nếu thu học phí thì số này chắc chắn sẽ được miễn giảm đó là chuyện hợp lý, theo nguyên tắc hành thu lâu nay của chính phủ là người đóng góp phải có khả năng đóng góp, và cũng để tránh cho nhà trường cái tình trạng khó xử có thể xảy ra là nếu có trò không trả nổi học phí, chẳng lẽ lại đưa ra hội đồng kỷ luật dưới vì cái tội nghèo? Thế thì chắc chắn có thể thu học phí của 50% số trẻ đi học.

Dù chỉ có học sinh giàu đóng góp, mức thu tức nhiên cũng phải thấp hơn trường tư nhiều vì lý do thể diện của nhà nước không cho phép nhà trường ngửa tay lấy đúng mức như những kẻ mà dư luận đang gán cho cái tên "lái buôn chữ". Trong khi trường tư thu mỗi lớp một mức học phí khác nhau, thì ở trường công chỉ có hai hạng lương giáo sư đệ nhất cấp và đệ nhị cấp mà thôi, nên cũng phải chỉ có hai hạng học phí cho hai cấp. Vì đó trường công không thể thu được học phí ở mức trung bình mà phải thu ở mức rất thấp cho lớp thấp nhất có thể trả được.

Thêm vào đó có một hiện trạng rất phổ biến ở các trường công lập ngày nay mà hình như những người đòi thu học phí trường công không mấy lưu tâm : đó là hiện tại không có trường công nào mà không bắt buộc học sinh đóng góp chút ít rồi : tiền Hiệu-Đoàn, tiền Hội Phụ-huynh mỗi năm vào khoảng gần 1.000% nghĩa là mỗi tháng độ 100%. Nhờ tiền đó nhà trường đã ứng phó với nhiều chi phí lặt vặt trong trường mà lâu nay chính phủ không đài thọ đủ. Có trường thiếu cả lao công và dụng cụ văn phòng mà không xin được ở Bộ, phải lấy vào các tiền này để sắm sửa, thuê mướn hàng năm.

Nay nếu thu học phí thì chắc chắn phụ huynh sẽ không còn chịu đóng góp những tiền đó nữa và trường cũng phải bỏ bớt các khoản thu củ ấy đi vì nếu lấy cả hai thì học phí trường công còn nặng hơn trường tư nữa. Việc thu học phí ở trường công, quý vị Hiệu-Trưởng đồng quan điểm nên tính số lại xem trường mình sẽ thu được bao nhiêu? Nếu thu được quá ít chẳng làm được việc gì lại thêm mang tiếng "trường công thu học phí".

B.- Đối với các cơ sở giáo dục cộng đồng.-

Khi nói tới cải tổ chương trình giáo dục, chủ trương giáo dục cộng đồng được đưa ra, chủ trương này ngoài chương trình học căn bản còn nhằm 4 mục đích :

- Hoạt động giáo dục phải đi sát với hoàn cảnh địa phương.
- Phải đáp ứng nhu cầu địa phương.
- Chương trình giáo huấn có thể dùng chung cho cả người lớn lẫn trẻ em.
- Phần học phải đi sát với phần hành.

Trường cộng-đồng dùng tài nguyên địa phương để cải tiến học đường, để cải thiện đời sống dân chúng và công cuộc phát triển cộng-đồng.

Ý thức cộng đồng rất quan trọng trong việc phát triển quốc gia, chính thiếu ý thức này là nguyên nhân đưa đến sự phân hóa, chia rẽ trong một quốc gia chậm tiến.

Tuy nhiên với hoàn cảnh riêng của dân tộc và đất nước, chủ trương nền giáo dục cộng đồng cần thay đổi để hướng vào các mục tiêu :

- Gây ý thức cộng đồng giữa chính quyền và dân chúng trong nhiệm vụ giáo dục cộng đồng.
- Gây ý thức cộng đồng giữa giáo dục và gia đình.
- Gây ý thức cộng đồng trong chế độ tự do, dân chủ.

Mục đích chuẩn bị cho học sinh ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ và hướng nghiệp trong tương lai, nên chương trình học và sinh

hoạt học đường là hai phương tiện hữu hiệu nhất giúp cho giáo dục đạt mục tiêu mong muốn.

Với chương trình cải tổ giáo dục, việc áp dụng vào các bậc tiểu học, Trung-Học và Đại-Học, cần đặt một số vấn đề.

1/- Đối với bậc tiểu học.

Đa số các trường trên toàn quốc đã được cộng đồng hóa. Tuy nhiên cộng đồng chưa đủ mà phải thực hiện đúng đắn và chú trọng vấn đề hướng nghiệp ngay từ giai đoạn này.

Nước Việt-Nam ta với một vùng tài nguyên trù phú nào Cao-Nguyên, đồng-bằng, duyên hải ... mỗi vùng đều hứa hẹn một tương lai tốt đẹp cho các ngành nông, lâm, ngư, mục.

Nền nền giáo dục ngoài việc phát triển những tính tốt, gây ý thức trách nhiệm cộng đồng... cần phải gây cho trẻ em thích về canh nông, biết qua tài nguyên đất nước, yêu mến đất nước, tin tưởng ở khả năng sẵn có của mình để cố gắng học hỏi và phát triển xứ sở. Tùy vùng, chương trình giáo dục sẽ chú trọng nhiều hơn hoặc về nông, lâm hoặc về ngư, súc.

Nhìn vào sinh hoạt các trường cộng đồng hiện nay, chúng ta phải ái-ngại về thành quả của loại trường này trước những mục tiêu đã vạch ra. Trong niên học 1971-1972, có 10 công tác cộng-đồng được thực hiện tại các địa phương báo cáo về Phòng Giáo-Dục Cộng-Đồng (Bộ Giáo Dục). Sở dĩ có hiện trạng này là các Ty Tiểu Học đã lơ-là với chương trình giáo dục mới và cả giáo chức địa phương cũng chưa ý thức

được tầm quan trọng của nó. Trong khi đó, trung ương xa vời chỉ khuyến cáo, kích thích tinh thần mà thiếu biện pháp kiểm soát hữu hiệu.

2/- Bậc Đại-Học.-

Ngày nay trường Đại Học mọc lên để thỏa mãn nhu cầu Đại-Học hầu như vô tận. Chúng ta đã thấy ở Hoa-Kỳ, một quốc gia tiến bộ vào bậc nhất, có khả năng thu hút hơn 43% thanh niên trong hạn tuổi Đại-Học. Trung bình mỗi tuần lễ có một trường Đại-Học được thành lập mà vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho sinh viên.

Trong các nước kém mở mang hoặc đang phát triển, nhu cầu Đại-Học lại còn khẩn thiết hơn. Tại Việt-Nam hiện nay có 3 trường Đại-Học công lập và 5 Đại-Học tư do các tôn giáo tổ chức. Chính phủ đã dự trù thiết lập một số Đại-Học Cộng-Đồng tại Mỹ-Tho, Nha-Trang, Đà-Nẵng, để đào tạo sinh viên thành những chuyên viên trung cấp, hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế thuộc cộng đồng.

Áp lực sĩ số ngày một gia tăng, trong khi chính quyền khan hiếm về nhân lực cũng như tài lực, hai trở ngại trên rất trầm trọng và gần như nan giải đối với chính quyền trong giai đoạn này.

Nếu chúng ta nhìn nhận sự phát triển Đại-Học gắn liền với sự phát triển quốc gia, thì không thể để tình trạng trên trầm trọng hơn nữa. Phương thức giải quyết đã được chính quyền đề ra là vẫn tiếp tục mở thêm trường Đại-Học để thỏa mãn nhu cầu, nhưng kêu gọi và khuyến khích sự đóng góp và tham gia của dân chúng. Đó là phương thức tổ chức các viện Đại-Học Cộng-Đồng tại địa phương.

Trước khi đề cập đến sự tham gia của dân chúng trong các Đại-Học Cộng Đồng, thiết nghĩ chúng ta nên biết qua về mục tiêu của loại Đại-học này.

1/- Định nghĩa và mục tiêu.-

a) Định nghĩa.- Đại-Học Cộng-Đồng là một loại Đại-Học do chính quyền cộng tác với dân chúng địa phương, thiết lập và quản trị.

Đại-học cộng-đồng là một cộng đồng nhỏ nằm trong cộng đồng địa phương để phục vụ cộng đồng đó, đáp ứng nhu cầu địa phương để phát triển cộng-đồng về 3 phương diện : xã-hội, văn-hóa và kinh-tế.

Nếu chính-sách giáo-dục cộng-đồng phải liên hệ đến xã-hội, kinh tế để phục vụ kinh-tế, xã-hội địa phương thì địa phương phải giúp giáo dục cộng đồng phát triển. Như vậy chương trình giảng huấn tại các Đại-Học Cộng-đồng phải có bàn tay đóng góp của nhân dân để khảo sát nhu cầu địa phương, góp ý kiến cùng các giáo chức hầu tạo nên một chương-trình học thiết thực.

b) Mục tiêu.- Đại-Học Cộng-đồng khi được thành lập sẽ theo đuổi các mục tiêu sau :

- Đào tạo chuyên viên trung cấp để hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế địa phương.

- Chuẩn bị và hướng dẫn sinh-viên để sau 2 năm học chương trình Đại-học căn bản sẽ ghi học tiếp sang một Viện Đại-Học Quốc-Gia bổ túc, hoặc tổ chức những lớp học ngoài giờ làm việc để thỏa mãn nhu cầu bệch học và cầu tiến của tráng niên.

- Phát huy sinh hoạt văn hóa, và giáo dục xã hội nhằm bồi bổ cho đời sống tinh thần của nhân dân trong cộng-đồng.

- Hướng dẫn sự hỗ trợ phát triển giáo dục giữa Tiểu, Trung và Đại-Học trong các Tỉnh thuộc phạm vi phục vụ của Viện Đại-Học Cộng-Đồng liên hệ.

2/- Vai trò của Đại Diện nhân dân trong Hội-Đồng Quản-Trị Viện Đại Học Cộng-Đồng.-

Sự hợp tác giữa dân chúng, chính quyền địa phương và Bộ Giáo-Dục trong việc thiết lập và quản trị Viện Đại-Học Cộng-Đồng được xem là nguyên tắc chính yếu. Sự tham gia của dân chúng trong Hội Đồng Quản Trị là điều cần thiết để hoạch định một chương trình giáo dục thực tế.

Đại diện nhân dân của cộng đồng sẽ do các Phụ-huynh học-sinh và sinh-viên ở các Tỉnh đã bảo trợ cho Đại-Học Cộng-Đồng bầu lên với nhiệm kỳ là 2 năm và được tái nhiệm. Trong giai đoạn đầu, Tổng-Trưởng Giáo-dục bổ nhiệm một Hội-đồng Quản-trị lâm thời. Theo Nghị-Định số 496-GD/KHPC/PG/NĐ ngày 23.2.72 thì Hội-Đồng Quản-trị Đại-Học Cộng Đồng có nhiệm vụ :

- Ấn định đường lối và chương trình giáo dục.

- Thu nhận, quản trị và sử dụng ngân khoản và tài sản của Viện Đại-Học Cộng-Đồng.

- Đại Diện Viện Đại Học để ký kết các thỏa hiệp song phương thuộc các chương trình viện trợ của cá nhân, các cơ quan hay đoàn thể trong và ngoài nước hoặc của chính-phủ.

- Soạn thảo và ban hành quy lệ Đại-Học Cộng-Đồng.
- Khuyến khích, tăng cường sự liên lạc cộng tác và hỗ trợ giữa Viện Đại-Học Cộng-Đồng và địa-phương.
- Ấn định chương trình phát triển Viện Đại-Học Cộng-đồng theo nhu cầu địa phương và chính sách phát triển quốc gia.

Nếu dân chúng trong cộng-đồng đóng góp để thành lập và khuyết trường Đại-Học của mình thì sinh-viên cư-ngụ tại cộng đồng sẽ hưởng được nhiều ưu tiên. Dĩ nhiên là Đại-Học của một cộng-đồng không thể bé môn tóa càng đối với những sinh-viên cư ngụ ngoài cộng đồng, nhưng những sinh viên này phải đóng một học phí cao hơn sinh viên trong cộng-đồng mới công bằng.

Vì mỗi địa phương có một sắc thái khác nhau, nên chương trình giảng dạy tại một Đại-Học phải có bàn tay của đại diện nhân dân để khảo sát nhu cầu địa phương, góp ý kiến cùng giáo chức để chương trình học được thiết thực.

Trong bức tâm thư của Ủy-ban Vận-Động thành lập Viện Đại-Học Cộng-Đồng Tiền-Giang, phảng phát tinh thần tổ chức một Đại-Học Cộng-đồng." Mặc dù là viện Đại-Học công-lập, nhưng viện Đại-học Tiền-Giang được hình thành trong quan niệm phát triển cộng-đồng. Chúng ta (dân chúng địa phương) phải tích cực trong việc góp công, góp của để thiết lập và khuyết trường Viện Đại-Học của chúng ta". Ủy-Ban Vận-Động cũng đã sáng suốt nhận thức rằng sự đóng góp của địa phương rất cần yếu trong việc mở mang giáo dục nhất là trong giai đoạn mà ngân sách quốc gia phải nặng gánh vì quốc phòng.

Đó là sự tham gia của dân chúng trong một Đại-Học Cộng-Đồng. Dân có đóng góp thì mới có tiếng nói trong việc quản trị, và con em mới được hưởng một chương trình giáo-duc thực tế.

Phải cần một thời gian nghiên cứu để thảo quy chế cho Đại-học cộng-đồng mới, để xác định coi tỉnh nào nằm trong khu vực tạm gọi là "Địa-hạt Đại-học Tiên-Giang". Nhưng ngay bây giờ chúng ta có thể nói rằng tiếng nói của dân chúng đóng góp trong việc thành lập và điều hành lâu dài sẽ được thể hiện qua một ủy ban hay một hội-đồng để cố vấn và kiểm soát việc sử dụng ngân sách gồm có phần tài trợ của quốc gia tương xứng với sự đóng góp của dân chúng.

Ngoài sự đóng góp của dân chúng và chính quyền, riêng Viện Đại-Học Cộng-Đồng Tiên-Giang, chúng ta thấy có một số cơ quan ngoại viện đã giúp đỡ. Điều hành nhất là một số học bổng ngoại quốc đặc biệt dành cho việc đào tạo nhân viên giảng-huấn và hành chánh cho viện này, và một số dự án cũng được nêu lên. Một Đại-Học lớn tại ngoại quốc sẽ gửi Giáo-sư sang Việt-Nam mở một chương-trình Cao-Học và Tiến-Sĩ để đào tạo tại chỗ những giáo-sư và chuyên viên Hành-chánh cao cấp cho đại-học Tiên-Giang.

Thứ đến, chính quyền và các cơ quan ngoại viện đang lập dự án trữ liệu một tổ hợp Đại-Học Cộng-Đồng tân tiến ngoại quốc để trực tiếp giúp đỡ, và cũng trong dự án này sẽ có sự thương thuyết với các công-ty ngoại quốc như công-ty trồng tía và kỹ-nghệ đồ hộp để giúp dụng cụ, huấn luyện viên phát triển canh nông và kỹ nghệ tại Cộng-

Đồng Tiền-Giang để thu dụng sinh-viên tốt-nghiệp và mở mang kinh tế cho cộng-đồng.

Thời kỳ vận động thành lập đã qua, bây giờ bước qua giai đoạn kế tiếp : đó là làm sao tổ thiện chí và hảo tâm trong việc đóng góp để chính quyền cấp cho ngân khoản tương xứng. Chúng ta tin tưởng rằng đồng bào tại cộng-đồng Tiền-Giang đã ý thức rõ rệt tầm quan trọng của sự tương thân tương trợ mật thiết giữa Đại-Học và Cộng-đồng để đóng góp trong việc xây dựng một khu Đại-Học xứng đáng cho vùng trù phú này.

C.- Đề nghị một giải pháp cho các tư thực.

Trong chính sách "địa phương hóa giáo dục" sự đóng góp của dân chúng là chính yếu để mở thêm lớp học công cho con em có chỗ đi học thay vì phải đi học trường tư với học phí cao. Nhưng dù giải pháp này thành công hay thất bại, nó cũng có nghĩa là chúng ta đã chấp nhận rằng hiện nay không có cách gì khác hơn là con em phải trả tiền mới được đi học.

Thế tại sao ta không tin tưởng ở giải pháp trường tư, trong khi trường tư cũng là một cách để cho tư nhân góp tài lực vào công cuộc giáo dục quốc gia? và đó cũng là cách mà dân chúng để chấp nhận nhất, và chỉ có những người hưởng thụ mới trực tiếp đóng góp?

Trên thực tế, điều làm cho phụ huynh học sinh trách cứ không phải là chuyện họ đóng tiền mà chỉ vì cái khổ tâm đã đóng tiền mà việc học hành của con họ không được săn sóc đúng đắn. Đây là một ưu tư nghiêm trọng của cả quốc gia, bởi vì cả cái thể hệ sắp tới sẽ như

thế nào khi mà phần lớn lớp trẻ hiện giờ đang bị phó mặc cho những tổ chức giáo dục quá lỏng lẻo là các trường tư. Cho nên thiết tưởng chính phủ cần phải có một chính sách khẩn cấp, chấp nhận mạnh dạn giải pháp trường tư nhằm giải quyết trực tiếp vấn đề thay vì né tránh, đi vòng vo bằng lối thu học phí để phát triển trường công, hạn chế trường tư.

Chính cái quan niệm sai lầm coi trường tư là tạm bợ, phụ thuộc đã khiến cho chúng ta lâu nay không có chủ trương nào thực tâm xây dựng trường tư, lại còn tạo ra bao nhiêu kỳ thị bất công làm cho tình trạng họ, nhất là các giáo chức tư, đã khó khăn lại còn thua thiệt, tuy họ cũng là những người đang đóng góp rất nhiều vào công cuộc giáo dục quốc gia.

Trong việc tổ chức và điều hành giáo dục có 2 phần là trang bị (trường ốc, bàn ghế, dụng cụ) và nhân sự (đào tạo, tu nghiệp giáo chức). Vì khả năng có hạn của mình Bộ Giáo Dục chỉ nên lo một nửa : đó là phần nhân sự. Còn phần trang bị, hễ có tiền là làm được, nên giao lại cho tư nhân. Đối với các trường công chính phủ không nên xây cất, trang bị trường trại nữa. Không phải là không cho xây cất thêm trường, mà giao hẳn việc ấy cho tư nhân đầu tư. Tư nhân bỏ vốn ra làm trường, chính phủ bỏ thày ăn lương chính phủ đến dạy và điều hành mọi việc. Những năm đầu trường mới mở học sinh phải nộp học phí giống như trường tư. Sau một thời gian (ghi trong kế ước) tư nhân thu lại đủ vốn và được một số lời phải chăng thì giao tất cả trường sở lại cho chính phủ, từ đó học sinh không còn đóng tiền nữa, việc tu bổ, chi

phí lật-vật sẽ nhờ vào Phụ-huynh Học-sinh như ở các trường công hiện nay.

Giải pháp này không có gì mới mẻ, ở các nước một số cầu cống, đường sá, bệnh viện cũng được giao cho tư nhân xây cất theo lối này.

Nếu không được vào trường công, phụ huynh chắc chắn sẽ thích cho con họ vào trường này vì việc học hành cũng như ở trường công, và sau một thời gian không còn đóng học phí nữa.

Ngân sách đáng lẽ dùng để trang bị như lâu nay, chính phủ dùng để đào tạo, tu nghiệp giáo chức, kiểm soát, đôn đốc việc giảng dạy ở trường công cũng như tư và nhất là trường tư. Chính phủ đưa nhiều cán bộ, giáo chức, thanh tra vào trường tư để cộng tác thực sự với họ, việc chuẩn luyện, tu nghiệp giáo chức tự do các chủ trường hay chính phủ đài thọ phí tổn.

Trong giai đoạn đầu có thể tạm đình chỉ việc mở thêm lớp công, để chính phủ có thể dốc toàn lực vào việc chỉnh đốn các lớp tư. Nhờ có nhân viên của mình hiện diện với một tỷ lệ cần thiết trong ban giảng huấn. Tỷ lệ này tùy thuộc vào khả năng giảng huấn của mỗi trường, nếu thấy trường có đủ giáo chức đứng đắn thì không cần nữa. Lâu nay cũng có giáo sư công đến dạy giờ thêm ở trường tư, nhưng họ đã làm việc với mục đích khác, tinh thần khác. Chính phủ có thể giúp các trường tư cải thiện việc giảng dạy, kiểm soát các kỳ thi tuyển, lên lớp và việc thu nhận học sinh khiến cho các em thấy khó khăn, phải chăm lo học không còn nạn đi học lấy lệ, làm việc khác mà cuối năm vẫn có học bạ đầy đủ.

Các chủ trường và giáo chức tư chắc chắn sẽ hoan nghênh sự công-tác này, vì nó giúp công việc chuyên môn của họ thêm dễ dàng và hữu hiệu. Nếu nhất loạt trường tư nào cũng có kỷ luật đứng đắn, thì khi bị đuổi học sinh sẽ không còn biết xin học vào đâu, nên cũng ít dám liều lĩnh như bây giờ.

Khi có giáo chức công và tư công tác bình đẳng như vậy rồi, chính phủ không cần gửi cái chế độ trường bị đặt dưới quyền kiểm soát của trường công nữa, mọi sự kỳ thị sẽ được xóa bỏ. Sự công tác này còn có giá trị như một trợ cấp bằng nhân sự thay vì trợ cấp bằng ngân khoản mà sau đó chính phủ không thể biết đã được sử dụng thế nào. Phí tổn của chủ trường cũng được giảm bớt, để họ chấp nhận giảm bớt học phí xuống, có lợi cho toàn thể học sinh. Nếu có trường hợp trục lợi tai hại, chính phủ cũng hay biết và can thiệp dễ dàng.

Để bắt đầu, chính phủ nên can thiệp ngay vào một vài trường tư yếu kém nhất. Kinh nghiệm sẽ được nghiên cứu, đúc kết đem thi hành dần dần khắp mọi nơi. Kế hoạch này có thể kéo dài năm, ba năm hay lâu hơn nữa cho đến khi nào các trường tư được chấn chỉnh.

Trong thời gian này, các trường công vì tạm thời không phát triển thêm nên có thể dồn tất cả năng lực vào việc cải tiến chuyên-môn, chính đôn hàng ngũ thay vì chạy theo tỷ số tăng lên vùn-vụt như trước đây. Nhờ đó trường công sẽ xứng đáng để đóng vai trò tiêu chuẩn dẫn đạo (école-pilote).

Bộ Giáo Dục chịu trách nhiệm về giáo dục toàn dân, dù chế

độ xã hội ta có tự do đến đâu, việc can thiệp của Bộ về mặt giáo dục vào các trường tư vẫn là chính đáng. Một hiệu buôn, một xí nghiệp có thể được giao phó cho tự do kinh doanh theo luật đào thải tự nhiên : tốt lời xấu lỗ. Các tư thực không thể để cho luật ấy chi phối vì trong đó có sự nên hư mất còn của học sinh.

Ý thức nhân bản trong đường lối giáo dục của chúng ta không bao giờ chấp nhận để con người chịu làm vật hy sinh, làm vật thí nghiệm, chưa nói đến sự bấp bênh của tương lai quốc gia dân tộc trong những thí nghiệm ấy. Nếu chúng ta phó mặc trường tư cho luật cạnh tranh của thương trường và không có biện pháp tích cực nào giúp họ bảo đảm thành công và ngăn ngừa thất bại, thì cái ý thức phi nhân coi trường tư như một xí nghiệp, đặt người học trò ngang hàng với phẩm vật vô tri, đã có ở chúng ta trước khi được nảy sinh ra trong đầu óc những người rắp tâm buôn học bạ.

Một chính sách lâu dài trong đó, chính phủ chỉ lo phần nhân sự cho các trường công và để phụ giúp các trường tư một kế hoạch giai đoạn tạm ngừng phát triển trường công để hợp lực chấn chỉnh trường tư. Đó là giải pháp có thể giúp ta có một lối thoát khỏi tình trạng các trường tư hiện tại.

* Đoạn 3. - Dân chúng cùng chính quyền quyết-định chính-sách giáo dục.

Trong việc hoạch định một chính sách giáo dục phù hợp với nhu cầu, thực trạng địa phương, Hội-đồng Giáo-dục địa phương và Ủy-Ban Điều-Hợp và Phát-triển giáo dục có nhiệm vụ nghiên cứu tường tận

từng địa hạt và phải dựa vào chính sách giáo dục tổng quát do trung ương đề ra. Nền giáo dục địa phương chỉ phát triển được khi nào phù hợp với ý nguyện của toàn dân.

A.- Án định một chính sách giáo dục phù hợp với địa phương.-

1/- Phù hợp với nhu cầu và thực trạng địa phương.-

Việc lựa chọn một chính sách giáo dục phù hợp với nhu cầu, thực trạng địa phương có thể thực hiện qua các cuộc nghiên cứu địa phương và công tác này phải được duy trì liên tục. Phù hợp với yếu tố địa phương là yếu tố quan trọng giúp cho việc thực hiện một chính sách giáo dục đạt được kết quả ở trong cũng như ở ngoài học đường : Sinh-viên, học sinh sẽ lấy làm thích thú mỗi khi học tập về các vấn đề thực tế, cụ thể tại địa phương liên quan đến đời sống.

Về phía dân chúng, họ sẽ chấp nhận khi chính sách giáo dục là một nhu cầu thiết yếu của địa phương và sẽ đem lại lợi ích thiết thực cho họ lúc thực hiện.

2/- Được sự hưởng ứng, tham gia của dân chúng.- Chính sách giáo dục khác biệt tùy theo nhu cầu của mỗi địa phương. Việc làm của Hội-Đồng giáo-dục địa phương và Ủy-Ban Điều-Hợp, Phát-triển giáo-dục là làm thế nào để được dân chúng hưởng ứng và tham gia một cách tích cực. Để cho người dân khỏi phải lo là trong lúc thực thi chính sách. Trước tiên là phải tìm hiểu tâm lý, thái độ không phải chỉ những người có chân trong Hội Phụ-Huynh Học-Sinh, mà là toàn thể dân chúng để biết xem nhu cầu nào thiết yếu và cần được thực hiện trước.

Muốn việc thực hiện chính sách giáo dục thu hút được sự hưởng ứng, tham gia của dân chúng và đạt được nhiều kết quả thì chính sách giáo dục phải :

- Được dân chúng nhận định, ý thức được tầm lợi ích và mong muốn được thực hiện.
- Được giải quyết và đem lại lợi ích cho đại đa số dân chúng chứ không phải chỉ riêng cho một thiểu số.
- Được giải quyết nhanh chóng để đáp ứng những đòi hỏi của địa phương.

3/- Phù hợp với khả năng đóng góp của dân chúng.- Bất cứ một chính sách giáo dục nào cũng được kết thúc bằng những thực hiện cụ thể cần thiết. Chính những thực hiện cụ thể này vừa giúp cho phần giáo dục trong học đường cũng như ngoài dân chúng thêm hữu hiệu, cải thiện cuộc sống hiện tại của đồng bào. Chính sách giáo dục sẽ không thể thực hiện được khi nó vượt quá khả năng địa phương. Các chính quyền hữu trách cần phải ước lượng mọi khả năng về nhân, tài và vật lực của địa phương. Chính quyền không nên vì tự ái địa phương mà đề ra những công tác xây cất, trang bị trường ốc to tát, mà bắt dân chúng phải nai lưng đóng góp.

Vì chính khả năng địa phương bảo đảm cho mọi công tác cụ thể được thành tựu, giúp cho việc thực hiện chính sách có kết quả tốt đẹp về mọi mặt.

B.- Địa phương hóa ngân sách trong lãnh vực giáo dục .-

Trong chủ trương phân quyền giáo dục, chính quyền đã trao

về tay người dân quyền hoạch định và thực thi chính sách giáo dục địa phương. Muốn hoạch định một chương trình sát với thực tế, giới hữu quyền phải thấu rõ khả năng tài chính của địa phương mình. Vì vậy, vấn đề địa phương hóa ngân sách trong lãnh vực giáo dục phải cần đặt ra.

Với thủ tục tài chính hiện nay quá phức tạp, các giai đoạn dự trù, thiết lập và phân phối ngân sách cho các địa phương đòi hỏi nhiều thời gian và thường không sát với nhu cầu địa phương.

Hiện nay tại mỗi tỉnh đều có ngân sách Tỉnh, thường thường ngân sách này kém cỏi vì trung ương đã giữ ngân sách của mọi ngành hoạt động. Thực trạng này đưa đến sự đại diện của Bộ tại địa phương tức Ông Trưởng-Ty bị dấn co giữa chính quyền địa phương và chính quyền trung-ương.

Nhằm tạo cho địa phương ý thức về tự túc, không gì hơn là nhà nước cần phải gia tăng ngân sách địa phương tức ngân sách Tỉnh và giảm dần ngân sách trung ương. Được như vậy việc dự trù ngân sách hàng năm tránh được nhiều phí phạm, việc sử dụng được nhanh chóng và giảm bớt được nhiều thủ tục hành chánh và tài chánh xét ra không cần thiết.

Riêng trong lãnh vực giáo dục, thay vì ủy ngân cho tỉnh xây cất, trang bị, tu bổ cho các trường trung và tiểu học, ngân khoản này giao hẳn cho ngân sách tỉnh thì tránh được nhiều chận đường, nhiều thủ tục có thể làm trì trệ công tác. Thiết nghĩ việc giảm dần ngân sách trung ương và gia tăng ngân sách tỉnh là một việc

phải làm để đi đến công cuộc tự túc, tự quản và chặn đầu của công cuộc này là địa phương hóa ngân sách.

Chỉ có phương thức này mới có thể giúp cho địa phương nhìn rõ thực trạng ngân sách của mình. Các cơ quan hữu trách như Hội-Đồng Tỉnh, Hội-Đồng Điều-Hợp và Phát-triển giáo dục mới có thể cùng chính quyền địa phương hoạch định một đường lối giáo dục phù hợp với tình hình ngân sách, mà không sợ cảnh công tác đang thực hiện dở dang mà tiền đã hết.

Những tỉnh nào không thể tự túc hoàn toàn được thì trung ương sẽ tài trợ, không còn lý do gì mà không phát triển được mọi ngành sinh hoạt, đặc biệt là giáo dục trong việc cộng đồng phát triển. Quyền giáo dục tự bản chất được trao về cho người dân, mà sự đóng góp được thể hiện qua những ngôi trường khang trang, dồi dào về học cụ với các Ông Thầy, Cô giáo trực tiếp lãnh lương của địa phương. Lúc ấy giáo dục sẽ được phát triển sát với nhu cầu địa phương và thể hiện đúng mức những đòi hỏi của địa phương.

**/// // HÂN-ĐÌNH về NHỮNG KHÓ-KHĂN của DÂN-CHUNG
TRONG VIỆC THAM-GIA vào NỀN GIÁO-DỤC.**

Chính quyền đang cần sự hợp tác của dân chúng để xây dựng lại nền giáo dục quốc gia, chính sách địa phương hóa giáo dục được đề ra là để thực hiện chiều hướng hợp tác này. Nhưng đối với hoàn cảnh Việt-Nam hiện tại, sự tham gia của dân chúng vào công việc giáo dục gặp nhiều trở ngại sau :

1/- Tình trạng chiến tranh.- Chính sách của chính phủ là để dân trực tiếp đóng góp vào việc xây cất và quản trị các cơ sở giáo dục địa phương. Tuy nhiên, chiến cuộc vẫn còn tiếp diễn tại một số địa phương nhất là tại các vùng nông thôn hẻo lánh, các trường sở dễ bị hư hại, tiêu hủy vì bom đạn. Song song với chiến tranh nạn thất học gia tăng lôi kéo theo sự giảm sút về kinh tế trong một khung cảnh chính trị chưa được ổn định.

Dân chúng do đó rất dè dặt trong việc đóng góp để xây cất, hoặc tham gia vào công việc quản trị cơ sở giáo dục.

2/- Về khả năng đóng góp.- Khi cần xây trường tại địa phương, ai sẽ là người phải đóng góp, ai miễn đóng? Nếu mọi người đóng góp như nhau tại một địa phương thì sẽ không công bằng, vì có người dư giả, có người nghèo túng không thể đóng góp được. Hơn nữa con cháu những người giàu có tại thôn quê đã được gửi lên học tại tỉnh thành có an ninh, họ sẽ thờ ơ với công việc tham gia, đóng góp.

Bộ Giáo Dục cũng như chính quyền địa phương khó đưa ra một tiêu chuẩn vừa chính xác, vừa hợp lý để ấn định mức độ tham gia của người dân. Và chính quyền phải làm thế nào để người dân địa phương không nghĩ rằng người có khả năng đóng góp nhiều sẽ chiếm độc quyền trong việc phát biểu ý kiến cũng như quản trị học đường.

3/- Thành kiến của Phụ-huynh Học-sinh. - sự phản đối của quần chúng khi phải đóng góp một số tiền vào việc xây cất, trang bị các cơ sở giáo dục, đã làm sôi nổi dư luận một thời gian trước đây và đã gặp những phản ứng bất lợi từ phía dân chúng.

Người dân Việt-Nam từ trước tới nay vẫn quan niệm là khi con em họ đã vào học được trường công thì không còn phải chịu một lệ phí nào cả, hay chỉ phải đóng góp có tính cách tượng trưng. Vì thế người dân đã coi chính quyền có nhiệm vụ phải cho con em họ được miễn giảm đến mức tối đa. Có thể coi sự đóng góp là một hình thái để phân biệt trường công và trường tư. Tâm lý khoáng trắng đó cũng tạo nên mặc cảm trọng công khinh tư.

Đến nay trường công cũng phải đóng tiền, khiến dân chúng phản đối vì bị thiệt hại về vật chất, phần khác vì mặc cảm kỳ thị và tâm lý ích kỷ cho rằng công lao của con em họ trong các cuộc thi tuyển để được vào trường công hóa ra vô ích sao ! Mặc dù số tiền đóng góp không nhiều lắm, nhưng người dân nông thôn đang thiếu thốn cùng cực, một gia đình có độ 3 hoặc 4 người đi học thì số tiền phải đóng cũng không nhỏ được.

4/- Một khuyết điểm lớn lao của dân ta từ trước tới nay là khi có sự lựa chọn người đại diện vào một tổ chức nào, họ có khuynh hướng tìm kiếm những người rảnh rang, có uy thế mà không chú trọng đến khả năng hay thiện chí làm việc. Nay với chính sách "địa phương hóa giáo dục" tiếng nói của người đại diện tại các tổ chức giáo dục địa phương rất cần thiết, nếu những người đại diện chỉ có ý niệm hời hợt về vấn đề giáo dục thì không đóng góp được gì cho việc phát triển giáo dục địa phương.

.
..

Kết luận

Trong kỳ Đại-Hội Giáo-Dục Năm-Châu tổ chức tại Hoa-Kỳ vào năm 1967, để xét tình hình giáo dục thế giới. Các Hội Thảo Viên đã đưa ra nhận định chung : sở dĩ nền giáo dục hiện nay không theo kịp đà tiến hóa nhân loại, vì những lý do sau :

- Nguyên vọng ngày càng gia tăng của dân chúng đòi phải được giáo dục.
- Sự khan hiếm nhân lực, tài lực và phương tiện cho giáo dục.
- Quán tính của giáo dục hiện hữu làm cho không thể biến chuyển mau được.
- Quán tính của chính xã hội bị ràng buộc bởi thành kiến.

Với nhận định khái quát trên đây lại là những nguyên nhân chính yếu đã làm nền giáo dục Việt-Nam bị đình trệ.

Từ khi thu hồi được độc lập, dân chúng đã ý thức được ích lợi của sự học, nên đã cố gắng cho con em đến trường tùy theo khả năng của mình. Trước áp lực sĩ số ngày một gia tăng, trong khi trường ốc không đủ thỏa mãn nhu cầu học hỏi của dân chúng, chính quyền đã cố gắng phát triển nền giáo dục bằng cách khuyến khích tư nhân mở tư thực, kêu gọi dân chúng cùng chính quyền thiết lập trường bán công ... Nhưng đây mới chỉ là những sáng kiến cá nhân lẻ tẻ, chính quyền vẫn cô đơn trong việc phát triển cũng như tìm một hướng đi thích hợp cho nền giáo dục nước nhà.

Mãi đến năm 1969, chính sách địa phương hóa giáo dục đã được chính quyền đề ra trong chiều hướng hợp tác giữa dân chúng và chính quyền, nhưng chính sách được thực thi một cách chậm chạp và dường như còn trong giai đoạn độ dăm của chính quyền. Vì thế, các tổ chức giáo dục tại địa phương có sự tham gia của dân chúng đang xúc tiến thành lập, nên chưa hành-xử đúng mức quyền hạn của mình. Một khi Hội-Đồng Giáo-Dục địa-phương cũng như Hội-Đồng Điều-Hợp và Phát-triển giáo-dục được thiết-lập, nguyện vọng của dân chúng sẽ được thể hiện qua hoạt động của những cơ quan này.

Gần đây, Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục cũng đã khuyến cáo nhiều về chính sách giáo dục, hợp tác với Bộ Giáo Dục để nghiên cứu chương trình học cho mọi cấp, cũng như soạn thảo quy chế cho các tư thực hiện hành...

Theo "Dự Án Phát-Triển Giáo-Dục 4 năm" từ 1972 đến 1975, chính quyền có thể thỏa mãn được 3/4 nhu cầu học hỏi của dân chúng, và nạn thất học sẽ giảm xuống còn 15%. Chúng ta đặt nhiều hy vọng về những cái tổ và kế hoạch này, nhưng tất cả đều phải trông chờ cho tiếng súng tạm ngưng, lúc đó mới có thể động viên được tinh thần tham gia, đóng góp của dân chúng và chính quyền mới dành cho giáo dục một ngân sách thỏa đáng để điều hành và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách.-

- 1/- Nguyễn-Khắc-Hoạch : Xây-dựng và Phát-triển Giáo-dục.
- 2/- Trần-Ngọc-Ninh : Sưu tập diển văn 1966.
- 3/- Trương-Tiến-Đạt : Hiến-Pháp chú thích.
- 4/- Nguyễn-Thanh-Nhân : Đóng góp một nền giáo dục dân chủ VN trong tương lai.

Tài liệu.-

- 1/- Giáo-dục Cộng-đồng của Bộ Giáo Dục 1972.
- 2/- Đại-Hội Giáo-Dục 1964 của Bộ Giáo-dục.
- 3/- Giáo-dục trắng-niên của UNESCO-Việt-Nam.
- 4/- Thuyết-trình về Hội Phụ-huynh Học-sinh của Vũ-Đức-Chang.
- 5/- Phúc-trình Kinh-Tế hậu-chiến - tập III.
- 6/- Phúc-trình sơ khởi về các Viện Đại-Học Cộng-Đồng Việt-Nam do Phái-đoàn Khảo-sát Hoa-Kỳ thực-hiện năm 1967.
- 7/- Sắc-Lệnh số 168-GD ngày 8/10/66 : thiết lập các trường Tỉnh hạt, Đô-thị và Thị-xã, và các văn kiện bổ túc.

Tạp San, báo chí, Luận-văn.-

- 1/- Giáo-Dục số 38 tháng 4/1970 : vấn đề thu học phí trường công.
- 2/- Văn-Học số 81 tháng 8/1969 : vấn đề giáo dục trong các Quốc-gia chậm tiến.
- 3/- Giáo Dục số 49 tháng 5/1971.
- 4/- Phát triển Xã-Hội số 4 tháng 9/1972.
- 5/- Các Luận-văn liên quan đến giáo dục của DS14, DS15, CH₃ và CH₄.
- 6/- Nhật báo Chính-luận số : 2564, 2567.
- 7/- Phòng vấn một số giới chức tại Bộ Giáo-Dục.